



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 154/SMBĐ - CBTT

Vũng Tàu, ngày 27 tháng 03 năm 2023

V/v: Công bố báo cáo thường
niên năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
2. Mã chứng khoán: PSB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 65A3, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu
4. Điện thoại : 0254.3624188 Fax: 0254.3624189
5. Người thực hiện công bố thông tin : Ngô Văn Lập ĐT: 0908036456
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình xin gửi kèm Báo cáo thường niên năm 2022 đến Quý Ủy ban và Quý Sở, đồng thời đăng tải trên trang thông tin của Công ty tại địa chỉ: www.pvsb.com.vn theo quy định.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

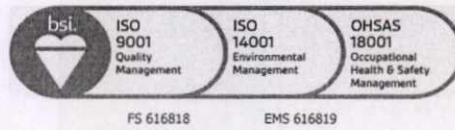
- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Ban KS Cty (để b/c);
- Ban GD Cty;
- Ban BT Website (để thực hiện);
- Lưu VT; NTH (scan).



Người công bố thông tin

Ngô Văn Lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI - BẾN ĐÌNH (PVSB)**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022**



Thông điệp của Hội đồng quản trị:

Quý vị cố đồng kính mến!

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ), tôi xin gửi đến Quý cố đồng lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe và thành công!

Kinh tế thế giới năm 2022 đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cạnh tranh giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, mưa bão, hạn hán... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu.

Tại Việt Nam, năm vừa qua đã phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát. Tuy nhiên, đối với ngành dầu khí đã chịu ảnh hưởng trực tiếp và tiêu cực từ cuộc chiến tranh Nga và U-crai-na, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động và kết quả kinh doanh của toàn ngành nói chung và Công ty SMBĐ nói riêng. Đối mặt với những khó khăn nói trên, Công ty SMBĐ với tư cách là Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) trong thời gian qua, đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ, hỗ trợ, tạo điều kiện của Tập đoàn Dầu khí, Tổng Công ty PTSC và các đơn vị bạn để tham gia cung cấp các sản phẩm, dịch vụ... cho khách hàng trong và ngoài ngành. Với sự đoàn kết, quyết tâm của tập thể CBCNV, năm 2022 Công ty SMBĐ đã thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch được giao. Mọi nguồn lực của Công ty tiếp tục được bảo toàn và tăng trưởng, các chỉ số tài chính được đánh giá ở mức độ an toàn, năng lực cạnh tranh và vị thế thương hiệu của Công ty ngày càng ổn định và bền vững.

Kính thưa Quý vị cố đồng,

Theo nhận định của HĐQT, năm 2023 tình hình kinh tế chính trị thế giới và khu vực dự báo có thể diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường và tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, sức ép lạm phát lớn, giá xăng, dầu, nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh, dịch Covid 19 dù đang được kiểm soát nhưng vẫn tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu. Công ty nhận thức sâu sắc, rõ ràng con đường phát triển phía trước vẫn còn vô vàn khó



khẩn, thách thức. Vì vậy HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo công ty quyết liệt hơn nữa trong việc nghiên cứu, xây dựng và đề xuất chiến lược phát triển, mở rộng lĩnh vực hoạt động SXKD; đẩy mạnh công tác marketing, tìm kiếm khách hàng, nguồn việc, tiếp tục khai thác khu bãi 7ha hiện có, đẩy nhanh tiến độ về các thủ tục đất đai, ưu đãi của dự án, chuẩn bị sẵn nguồn lực để tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị khi có thêm khách hàng để hoàn thành cao nhất kế hoạch được giao. Tiếp tục rà soát, xây dựng các định mức, quy trình cho phù hợp với chuẩn mực mới nhằm tiết giảm, tiết kiệm tối đa, tăng sức cạnh tranh và lợi nhuận cho Công ty.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể CBCNV trong Công ty, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc vì sự tin tưởng, hỗ trợ thiết thực của Quý khách hàng, Quý cổ đông, mà đặc biệt là Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã dành cho Công ty SMBD.

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Trần Hải Bình

NỘI DUNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát.
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.
4. Định hướng phát triển.
5. Các rủi ro.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tổ chức và nhân sự.
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.
4. Tình hình tài chính.
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tình hình tài chính.
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán (nếu có).
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Giám đốc.
2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị.
2. Ban kiểm soát.
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Tên giao dịch đối ngoại : **SAOMAI – BENDINH PETROLEUM INVESTMENT JSC**

Giá chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 3500794814 (Đăng ký lần đầu ngày 07/05/2007, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 26/04/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu cấp).

Vốn điều lệ : 500.000.000.000 đồng (năm trăm tỷ đồng)

Địa chỉ trụ sở : Số 65 A3, đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP.Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT

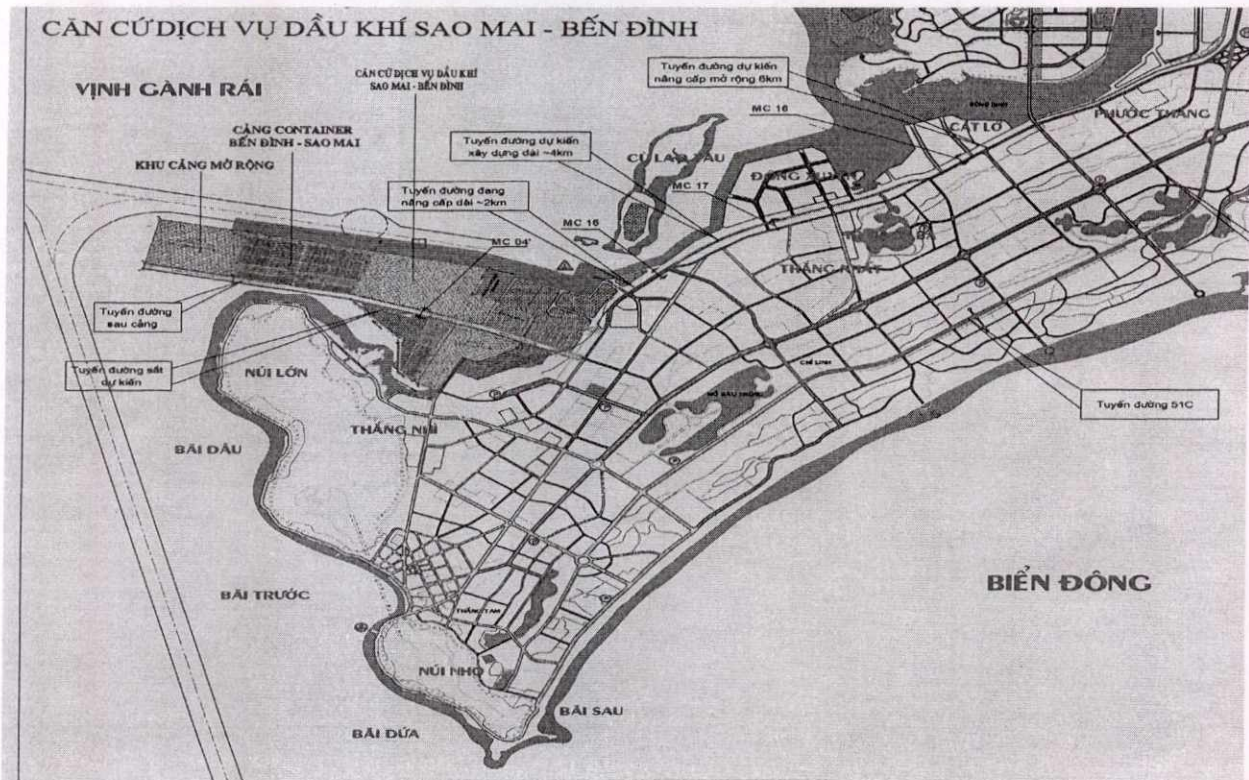
Điện thoại : 0254.3628188

Fax : 0254.3628189

Email : saomaibendinh@pvsb.com.vn

Website : www.pvsb.com.vn

Mã cổ phiếu : PSB



(Sơ đồ vị trí Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình tại Tp.Vũng Tàu)

Quá trình hình thành và phát triển: Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (SMBĐ) là doanh nghiệp do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cổ đông chiến lược sáng lập, hiện nay là đơn vị thành viên của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC). Nhiệm vụ trọng tâm của Công ty là đầu tư, xây dựng, vận hành và khai thác Tổ hợp Cảng - Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí tại khu vực Sao Mai - Bến Đình thuộc thành phố Vũng Tàu với quy mô hiện đại để phục vụ công tác thăm dò, tìm kiếm, khai thác dầu khí và thực hiện các dịch vụ dầu khí...

- 06/04/2007: Công ty được thành lập theo Nghị quyết số 1847/NQ-DKVN ngày 06/04/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 24/04/2007: Đại hội đồng cổ đông lần thứ 1 đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (SMBĐ); Phương án đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- 07/05/2007: Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
- 24/03/2008: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định thu hồi đất để bàn giao cho SMBĐ.
- 11/11/2009: Hoàn thành việc đầu tư cơ sở hạ tầng mặt bằng bãi 39,8ha và bàn giao cho Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí PV Shipyard thuê.
- 25/12/2009: Niêm yết thành công cổ phiếu của Công ty trên sàn chứng khoán Việt Nam (UPCOM) với mã chứng khoán PSB.
- 26/04/2010: Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập *Dự án Cảng container Quốc tế Vũng Tàu và Khu hậu cần Logistics*, Công ty SMBĐ, Công ty BSPD (thuộc Vinalines) và Tập đoàn Trung Hoa Chiêu thương Cục (CMG) sau khi đàm phán đã ký kết Hợp đồng Liên doanh ngày 26/04/2010 để thành lập Công ty Cổ phần Cảng container Quốc tế Vũng Tàu với tỷ lệ tham gia SMBĐ 25%, BSPD 26% và CMHI 49%.
- 16/09/2010: Hoàn thành việc đầu tư cơ sở hạ tầng mặt bằng bãi 23,5ha và bàn giao cho Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí PVC-MS thuê.
- 01/01/2012: Hợp đồng Liên doanh hết thời hạn hiệu lực, Công ty SMBĐ đã thông báo quyết định chấm dứt Hợp đồng Liên doanh ký ngày 26/04/2010 và đã được các bên liên doanh chấp thuận theo đúng quy định.
- 16/07/2012: Thủ tướng Chính phủ cho phép chủ trương tiếp tục thực hiện đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- 27/09/2012: UBND tỉnh BR - VT cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 49121000147 để thực hiện đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.

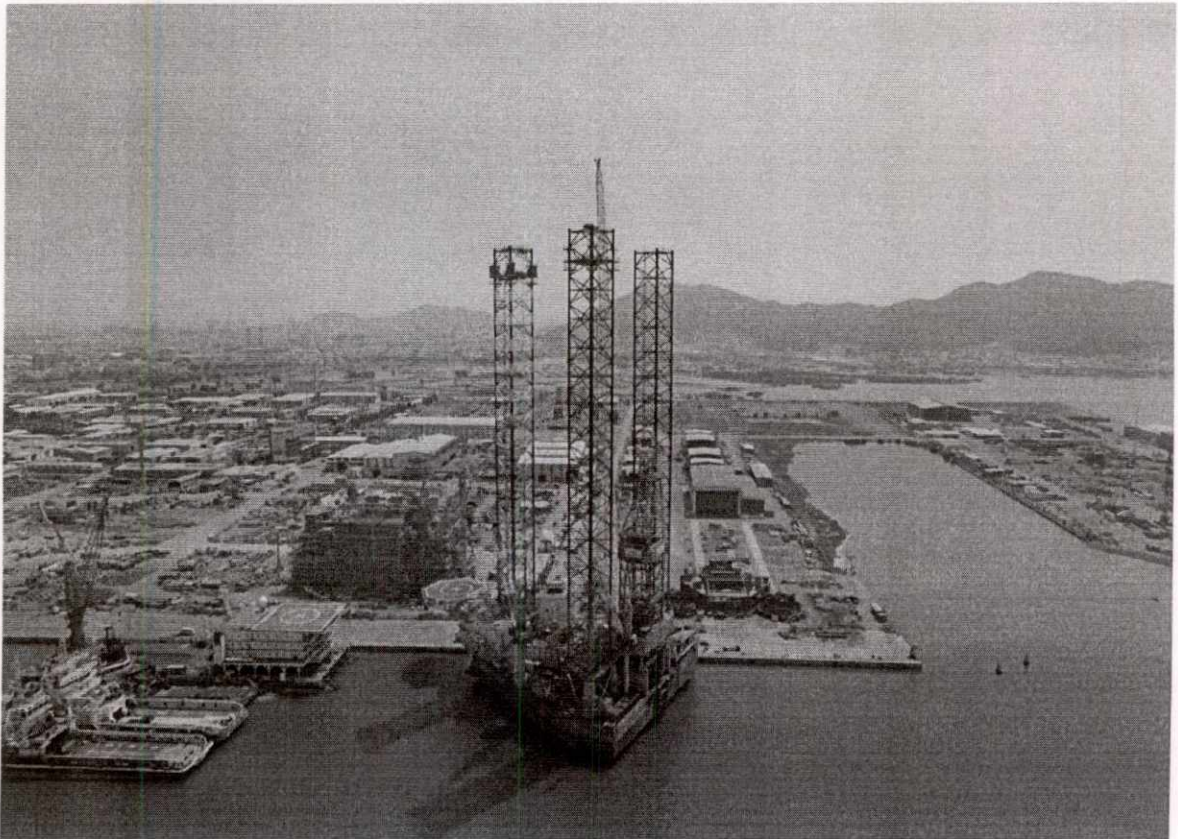
- 08/07/2015: Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đợt 1.
- 10/08/2015: Khởi công đầu tư xây dựng Dự án khu dịch vụ dầu khí 35ha (Phân kỳ I).
- 01/11/2017: Hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sử dụng công trình nhà văn phòng Container.
- Năm 2018: Hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng khu bãi 7ha.
- Năm 2019: Ký hợp đồng thi công cơ khí cho dịch vụ chế tạo hạ thủy và chằng buộc cọc CPP Sao Vàng cho dự án Sao Vàng Đại Nguyệt với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC.
- Năm 2020: Cho thuê 960m² diện tích nhà xưởng và dịch vụ hậu cần, đồng thời chuyển toàn bộ văn phòng Container của Đội XLDV về khu bãi 7ha.
- Năm 2021: Căn cứ theo kết luận cuộc họp Chính phủ tại Văn bản số 1097/TTg – CN ngày 14/08/2020, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã gửi văn bản số 362/SKHĐT-ĐT ngày 08/02/2021 tới Công ty SMBĐ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương điều chỉnh giảm 49ha – khu vực 2 căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai Bến Đình; Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ – HĐQT ngày 31/08/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh chủ trương điều chỉnh Dự án. Ngày 12/11/2021, ĐHĐCĐ Công ty đã ra Nghị quyết số 74/ NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư Dự án: Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình. Hiện Công ty đang thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định.
- Năm 2022: - Căn cứ công văn số 745/SXD-QHKT ngày 28/02/2022 về việc giới thiệu lại địa điểm đầu tư Dự án, Sở Xây dựng giới thiệu lại địa điểm dự án sau khi điều chỉnh giảm 49 ha Căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai – Bến Đình như sau :
 - ❖ Tổng diện tích dự án : Khoảng 112,47 ha
 - ✓ Diện tích khu đất dự án : Khoảng 98,67ha
 - ✓ Tuyến đường vào : 13,8ha
 - Ngày 03/11/2022, Bộ KHĐT đã có văn bản số 7955/BKHĐT-GSTĐĐT gửi các Bộ, UBND tỉnh BRVT về việc xin ý kiến thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai – Bến Đình,

Hiện Công ty SMBĐ đang chờ Bộ KHĐT tổng hợp ý kiến để triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- 2.1. Bán buôn tơ, sợi, sợi dệt; Bán buôn nguyên liệu bông xơ; thuốc nhuộm; Bán buôn nguyên phụ liệu,, bao bì cho ngành dệt may; Bán buôn nhựa đường và các nguyên liệu hóa chất sản xuất phụ gia nhựa đường; Kinh doanh phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông; trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: Hạt nhựa polypropylen và các sản phẩm khác có liên quan;
- 2.2. Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước; Xây dựng kết cấu công trình; Xây dựng công trình điện đến 35KV; Xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước; Xây dựng trạm bơm; Xây dựng công trình đường ống dẫn căng dầu, chất lỏng;
- 2.3. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và TBA đến 35KV; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường giao thông; Giám sát công tác hoàn thiện công trình dân dụng;
- 2.4. Khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai – Bến Đình, cụm cảng container; Cho thuê kho bãi;
- 2.5. Dịch vụ đại lý tàu biển; Kinh doanh khai thác cảng biển (vận hành khai thác cảng);
- 2.6. Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, các phương tiện nổi;
- 2.7. Sửa chữa tàu thuyền, các phương tiện nổi; Sửa chữa container; Sản xuất container;
- 2.8. Lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí;
- 2.9. Kinh doanh vận tải đường biển;
- 2.10. Kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;
- 2.11. Mua bán máy móc thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí, hàng hải;
- 2.12. Vận tải hàng bằng đường bộ, dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu;
- 2.13. Cho thuê các phương tiện vận tải;
- 2.14. Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- 2.15. Cho thuê lại lao động;
- 2.16. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;

- 2.17. Cho thuê container; Cho thuê máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, xây dựng, hóa chất, dầu khí không kèm người điều khiển;
- 2.18. Mạ, đánh bóng kim loại...; Xử lý kim loại bằng phương pháp nhiệt; Phun cát, trộn, làm sạch kim loại;
- 2.19. Bốc xếp hàng hóa cảng biển, cảng sông;
- 2.20. Xây dựng nhà để ở;
- 2.21. Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- 2.22. Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất; Sản xuất thùng chứa bằng kim loại cho nén và hóa lỏng khí đốt; Sản xuất nồi hơi trung tâm và nồi cấp nhiệt;
- 2.23. Xây dựng nhà không để ở;
- 2.24. Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;
- 2.25. Xây dựng cảng;
- 2.26. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp; Xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí, kho chứa các sản phẩm dầu khí, các công trình đường ống dẫn dầu-khí-nhiên liệu;
- 2.27. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.



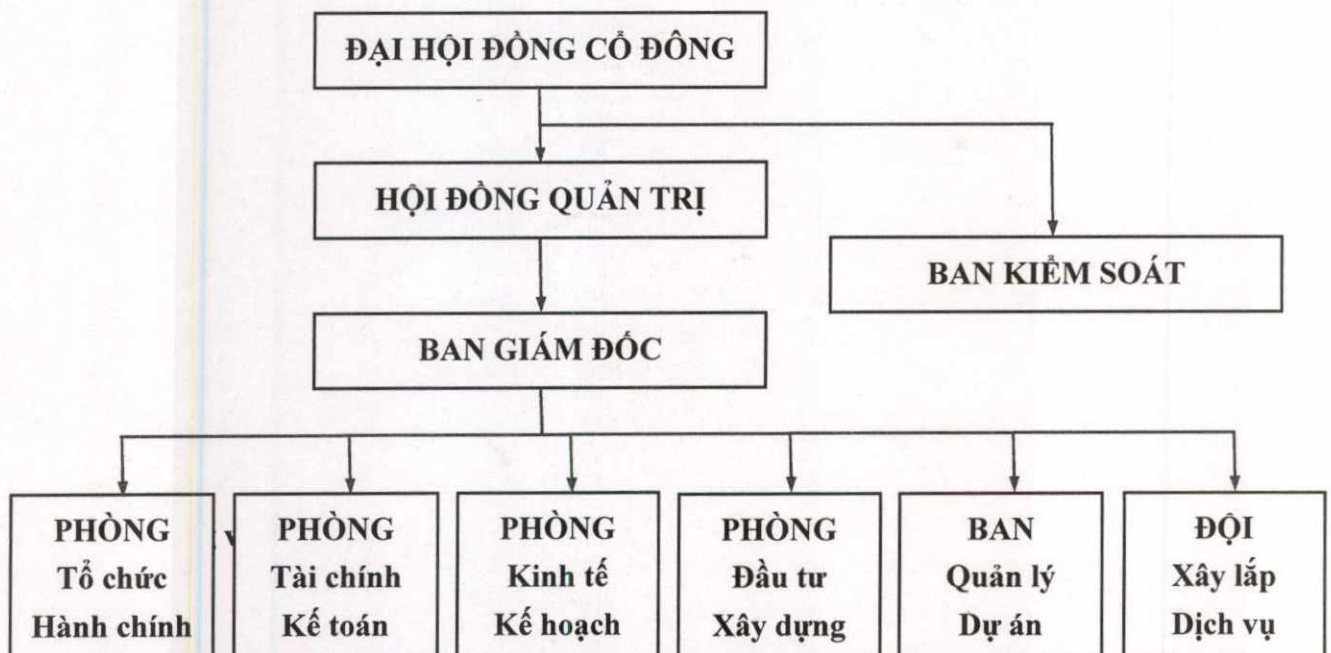
(Khu vực Cảng - Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình hiện tại)

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình sau đây: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



4. Với mục tiêu “Xây dựng SMBĐ trở thành công ty dịch vụ hạ tầng dầu khí, hàng hải mạnh có thương hiệu trong nước và trong khu vực, trong đó lấy việc xây dựng hạ tầng làm then chốt ...”, Công ty SMBĐ sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ chiến lược sau:

4.1. Đẩy nhanh công tác xây dựng hệ thống dịch vụ căn cứ cảng và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để khai thác và cho thuê tại khu vực Sao Mai – Bến Đình.

4.2. Quản lý, khai thác và phát triển các dịch vụ tiện ích, cơ sở hạ tầng.

4.3. Khai thác tối đa các dịch vụ cảng, mở rộng phát triển dịch vụ hậu cần, dịch vụ tổng hợp dầu khí và các dịch vụ hỗ trợ khác.

4.4. Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ dầu khí có hàm lượng công nghệ kỹ thuật cao, tiềm năng thị trường tốt bao gồm:

- Dịch vụ xây lắp cơ khí, chế tạo các công trình dầu khí.
- Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí, các phương tiện nổi.
- Dịch vụ thu dọn, tháo dỡ các công trình dầu khí.
- Dịch vụ vận chuyển, hạ thủy các kết cấu siêu trường siêu trọng.
- Dịch vụ thương mại dầu khí.
- Dịch vụ cung ứng nhân lực dầu khí.

4.5. Tập trung đào tạo, xây dựng, duy trì và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng tốt yêu cầu phát triển theo từng giai đoạn của Công ty.

4.6. Hoàn thiện hệ thống quản lý tiên tiến trong Công ty đảm bảo sự điều hành thống nhất, đảm bảo tính chủ động, linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.7. Tăng cường tìm kiếm và mở rộng mối quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, đặc biệt là các đối tác nước ngoài nhằm tận dụng tối đa lợi thế sẵn có của đối tác như kinh nghiệm, khả năng tài chính, công nghệ, thiết bị hiện đại, thị trường toàn cầu, trên cơ sở đó nâng cao lợi thế cạnh tranh của Công ty.

5. Các rủi ro:

Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp là một quy trình được thiết lập bởi Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý có liên quan khác áp dụng trong quá trình xây dựng chiến lược doanh nghiệp thực hiện những sự vụ có khả năng xảy ra gây ảnh hưởng tới doanh nghiệp đồng thời quản lý rủi ro trong phạm vi cho phép nhằm đưa ra mức độ đảm bảo trong việc đạt được các mục tiêu của doanh nghiệp.

Đặc thù của lĩnh vực dầu khí hiện nay phải đối mặt với nhiều rủi ro vì vậy ngay từ ngày đầu thành lập, công tác quản trị rủi ro đã được Công ty đặc biệt quan tâm. Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro nghiêm ngặt. Hệ thống quản trị rủi ro được xem xét lại

định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Các rủi ro tại Công ty được chia thành các nhóm chính sau:

- **Rủi ro trong kinh doanh:** là tất cả những yếu tố rủi ro phát sinh từ môi trường kinh doanh bên ngoài Công ty như: chính trị, xã hội, khoa học công nghệ, nhà cung cấp, khách hàng, đối thủ cạnh tranh...
- **Rủi ro trong hoạt động:** là các rủi ro về vi phạm quy định chính sách nội bộ của Công ty hoặc các hoạt động gian lận như: tham ô, mất mát, lãng phí, hư hỏng, lạm dụng, phá hoại...
- **Rủi ro tuân thủ:** là các rủi ro liên quan đến pháp luật, hay chính là những việc vi phạm các văn bản pháp luật của nhà nước...
- **Rủi ro tài chính:** là những rủi ro liên quan đến các thiệt hại có thể xảy ra đối với thị trường tài chính do sự thay đổi của các biến số tài chính: giá cả, lãi suất, tỷ giá...

Việc kiểm soát rủi ro được thực hiện theo quy trình chặt chẽ phù hợp với đặc thù công việc của Công ty, đảm bảo tuyệt đối về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường, nâng cao hiệu suất, hiệu quả lao động và tuân thủ luật pháp.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Trong năm qua, Công ty đã cố gắng bám sát các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PTSC), PVN để tìm kiếm công việc, sau đó đưa ra các phương án cụ thể cho việc thực hiện triển khai công việc. Công ty thực hiện nhiều giải pháp, tổ chức triển khai các chương trình hành động, huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành một cách quyết liệt nhằm duy trì và thực hiện tốt nhất có thể các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Chi tiết kết quả thực hiện như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	TH năm 2021	KH năm 2022	TH năm 2022	% so với KH
1	Vốn điều lệ	500,00	500,00	500,00	100
2	Doanh thu	177,16	175,04	190,20	108,66
a	Doanh thu hoạt động SXKD	156,14	152,20	167,79	110,24
-	Dịch vụ cơ khí chế tạo và đóng mới CTDK	49,58	72,00	29,70	41,25
-	Dịch vụ cung cấp VTTB (thương mại)	-	30,00	14,97	49,90

TT	CÁC CHỈ TIÊU	TH năm 2021	KH năm 2022	TH năm 2022	% so với KH
-	Dịch vụ căn cứ kho bãi	5,82	5,20	5,20	100
-	Dịch vụ cấp điện, nước tại cảng	9,24	10,00	11,98	119,80
-	Dịch vụ cung ứng nhân lực khác	6,12	0,00	14,35	-
-	Phân phối khí LPG	85,37	35,00	91,58	261,66
b	Hoạt động tài chính	20,97	22,84	22,31	97,68
c	Thu nhập khác	0,05	-	0,11	-
3	Lợi nhuận trước thuế	1,74	1,87	1,90	101,60
4	Lợi nhuận sau thuế	0,86	0,90	1,01	112,22
5	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	0,29	0,57	1,03	180,70
6	Đầu tư XD CB và mua sắm PTTB				
-	Giá trị thực hiện	1,94	31,80	4,06	12,77
-	Giá trị giải ngân	1,94	32,76	4,61	14,07
7	Số lao động cuối kỳ	80	85	72	84,71

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Tổng doanh thu năm 2022 là 190,20 tỷ đồng, đạt 108,66% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 là 1,90 tỷ đồng, đạt 101,6% kế hoạch năm.

Doanh thu từ hoạt động SXKD năm 2022 là 167,79 tỷ đồng, đạt 110,24% so với kế hoạch năm.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

① Ông PHÙNG NHƯ DŨNG

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- + Sinh ngày: 28/01/1969 tại Hà Nội
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị Kinh doanh, kỹ sư Cơ khí.
- + Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0



QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 06/1991 – 05/1992: Trung tâm nghiên cứu May – Hà Nội.
- + 06/1992 – 06/1993: Công ty Địa Vật lý và DVĐK – Hà Nội.
- + 07/1993 – 07/1995: Đốc công – XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC – Vũng Tàu.
- + 08/1995 – 12/1999: Phó phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Sản xuất – XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC – Vũng Tàu.
- + 01/2000 – 04/2001: Phó Giám đốc – XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC – Vũng Tàu.
- + 05/2001 – 10/2001: Quyền Giám đốc – XN Dịch vụ Vật tư Thiết bị và Nhiên liệu – VT.
- + 11/2001 – 12/2003: Trưởng ban quản lý Dự án Nhà máy Chế biến Condensate.
- + 01/2004 – 01/2006: Giám đốc - Nhà máy Chế biến Condensate.
- + 02/2006 – 03/2007: Phó Tổng giám đốc – Công ty Chế biến và Kinh doanh SP Dầu mỏ, kiêm Giám đốc XN Xăng dầu DK Vũng Tàu.
- + 04/2007 – 05/2007: Phó Tổng GD Cty TNHH 1 TV Chế biến và Kinh doanh SP Dầu mỏ.
- + 06/2007 – đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

② Ông ĐẶNG ĐỨC HÒI
PHÓ GIÁM ĐỐC



- + Sinh ngày: 01/11/1962 tại Nam Định
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- + Số lượng CP sở hữu cá nhân: 92

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 09/1987 – 02/1991: XN Liên hợp XL Dầu khí.
- + 03/1991 – 07/1995: Kế toán Trưởng – Đội xây dựng số 6 thuộc XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí.
- + 08/1995 – 02/2001: Kế toán Trưởng – XN Thiết kế và Khảo sát – Công ty Thiết kế và XD Dầu khí.
- + 03/2001 – 11/2004: Chuyên viên Tài chính Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.
- + 12/2004 – 04/2007: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Phòng Tài chính – Kế toán; Kế toán Trưởng Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.
- + 05/2007 – 07/2009: Kế toán Trưởng – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ).
- + 08/2009 – đến nay: Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ).

③ Ông TRẦN ĐỨC HẠNH
PHÓ GIÁM ĐỐC



- + Sinh ngày: 03/08/1979 tại Thanh Hóa
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý dự án, Kỹ sư Xây dựng.
- + Số lượng CP sở hữu cá nhân: 7

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 04/2002 – 11/2003: Công ty Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới – Bộ Giao Thông Vận Tải.
- + 12/2003 – 12/2004: Xí nghiệp Xây lắp Công trình Biển – XN Liên doanh Dầu khí Vietsovetro.
- + 12/2004 – 06/2005: Ban Dự án RuBy B – Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovetro.
- + 06/2005 – 03/2007: Tổng kho Xăng dầu Vũng Tàu – Công ty Chế biến và KD SP Dầu mỏ.
- + 04/2007 – 10/2007: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Tổng kho Xăng dầu Vũng Tàu.
- + 11/2007 – 10/2009: Trưởng phòng Đầu tư Xây dựng – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- + 10/2009 – đến nay: Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ).

2.2. Số lượng cán bộ, công nhân viên

Tổng số người lao động Công ty SMBĐ năm 2022 là 80 người, trong đó: Người lao động làm việc trong Công ty SMBĐ là 72 người (bao gồm 05 chức danh Lãnh đạo Công ty: Ban Giám đốc, Chủ tịch HĐQT, Kế toán trưởng), và 08 người lao động ký hợp đồng làm việc cho các Dự án.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Công ty PVSĐ tiếp tục triển khai các công việc, thủ tục đầu tư cho dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình, cụ thể như sau:

- **Đền bù giải phóng mặt bằng:**

Ngày 30/06/2020, UBND TP đã có Quyết định số 2924/QĐ-UBND phê duyệt phương án hỗ trợ về đất cho 10 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mặt nước thuộc dự án Căn cứ Dịch vụ Dầu khí Sao Mai – Bến Đình và đường vào Khu căn cứ dịch vụ Dầu khí Sao Mai – Bến Đình. Bên cạnh đó, UBND TP đề nghị Chủ đầu tư chi trả cho người dân và UBND TP sẽ phối hợp cùng Công ty SMBĐ thực hiện các thủ tục với các cơ quan chức năng (UBND tỉnh BRVT, Sở Tài Chính, Cục thuế) để khấu trừ vào tiền thuê đất của Công ty về sau. Hiện Công ty đã cơ bản hoàn thành việc tổ chức chi trả cho các hộ dân căn cứ theo công văn số 1382/PTQĐ-NV5 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất Tp Vũng Tàu.

- **Gói thầu lập đồ án quy hoạch chi tiết 1/500:**

Công ty đã nhận đầy đủ hồ sơ và đang thực hiện theo Quyết định phê duyệt đồ án tại văn bản số 3227/QĐ-UBND ngày 16/07/2020.

- **Điều chỉnh quy hoạch 1/500 :**

- Ngày 29/03/2022 PVSĐ đã có văn bản số 184/SMBĐ gửi UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu về việc xin chủ trương điều chỉnh quy hoạch 1/500 Căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- Ngày 17/04/2022 UBND tỉnh đã có văn bản gửi UBND thành phố Vũng Tàu về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- Ngày 12/07/2022, Công ty SMBĐ đã có văn bản số 466/SMBĐ –ĐTXD về việc xin chủ trương điều chỉnh một số nội dung của quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- Ngày 21/02/2023, Công ty SMBĐ đã có văn bản số 84/SMBĐ-ĐTXD gửi UBND thành phố Vũng Tàu lần 2 về việc xin chủ trương điều chỉnh cục bộ một số nội dung của quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai - Bến Đình (bổ sung tuyến đường chung của dự án).

- **Ưu đãi đầu tư của dự án:**

Ngày 11/06/2019, UBND tỉnh BR-VT đã có văn bản số 5564/UBND-VP về mặt nguyên tắc chấp thuận cho Công ty SMBĐ bổ sung mục tiêu là bến cảng biển, hiện nay, Công ty đang làm việc với Cục thuế tỉnh để triển khai thực hiện các thủ tục chính sách ưu đãi đầu tư đối với Dự án.

- **Chủ trương đầu tư phát triển tổ hợp cảng và dịch vụ dầu khí tại SM - BĐ:**

- Căn cứ theo kết luận cuộc họp Chính phủ tại Văn bản số 1097/TTg – CN ngày 14/08/2020, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã gửi văn bản số 362/SKHĐT-ĐT ngày 08/02/2021 tới Công ty SMBĐ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương điều chỉnh giảm 49ha – khu vực 2 căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai Bến Đình; Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ – HĐQT ngày 31/08/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh chủ trương điều chỉnh Dự án. Ngày 12/11/2021, ĐHĐCĐ Công ty đã ra Nghị quyết số 74/ NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư Dự án: Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình. Hiện Công ty đang thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định.
- Căn cứ công văn số 745/SXD-QHKT ngày 28/02/2022 về việc giới thiệu lại địa điểm đầu tư Dự án, Sở Xây dựng giới thiệu lại địa điểm dự án sau khi điều chỉnh giảm 49 ha Căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai – Bến Đình như sau :
 - ❖ Tổng diện tích dự án : Khoảng 112,47 ha
 - ✓ Diện tích khu đất dự án : Khoảng 98,67ha
 - ✓ Tuyến đường vào : 13,8ha
- Ngày 03/11/2022, Bộ KHĐT đã có văn bản số 7955/BKHĐT-GSTĐĐT gửi các Bộ, UBND tỉnh BRVT về việc xin ý kiến thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai – Bến Đình, Hiện Công ty SMBĐ đang chờ Bộ KHĐT tổng hợp ý kiến để triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

- **Nghĩa vụ tài chính của dự án:**

Công ty đang thực hiện các thủ tục xin điều chỉnh từ ngành nghề ưu đãi đầu tư sang hưởng đặc biệt ưu đãi đầu tư đối với dự án theo quy định hiện hành.

- **Công tác khác:**

- Ngày 28/02/2022, SXD tỉnh BRVT đã có công văn số 745/SXD-QHKT về việc giới thiệu điểm đầu tư Dự án và lưu ý về việc tuyến đường vào dự án hiện trùng đoạn ga cuối hàng hóa tuyến đường sắt Biên Hòa – Vũng Tàu nên để tránh lãng phí nguồn vốn đầu tư cho Công ty, chỉ đầu tư tạm thời tuyến đường vào dự án phù hợp với nhu cầu trước mắt.

- Công ty đang thực hiện việc tổ chức triển khai đường trục chính đi vào cảng qua khu vực PV Shipyard và PVC – MS thuộc Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình :
- ✓ Ngày 22/08/2022, Công ty PVC – MS đã ra Nghị Quyết số 89/NQ-KCKL-HĐQT về việc đồng ý mở tuyến đường đi qua Dự án Bãi cảng Chế tạo Kết cấu Kim loại và Thiết bị Dầu khí.
- ✓ Ngày 19/10/2022, Công ty PVC-MS đã có công văn số 931/KCKL-TK&QLKT về việc thông báo sẽ bàn giao mặt bằng cho SMBĐ để triển khai thi công tuyến đường như đề xuất dự kiến ngày 20/06/2023.
- ✓ Ngày 20/12/2022, Công ty SMBĐ đã ký hợp đồng với nhà thầu tư vấn lập báo cáo KTKT di dời nhà xưởng. Dự kiến hoàn thành báo cáo KTKT trong tháng 01/2023.
- ✓ Ngày 15/02/2023, đơn vị tư vấn đã hoàn thành hồ sơ thiết kế. Công ty PVSĐ đã phê duyệt hồ sơ thiết kế, hiện đang thực hiện lập kế hoạch đấu thầu tổng thể cho công trình và đang chuẩn bị các thủ tục cho gói thầu thi công di dời nhà xưởng CAM của PVC MS.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết :

Công ty SMBĐ sở hữu 1.053.000 cổ phần, chiếm 13,16% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (SOPEWACO). Từ năm 2008-2009, Công ty SOPEWACO hoạt động hiệu quả với lợi nhuận sau thuế đạt 3,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, sau khi chịu tác động nặng nề bởi cuộc khủng hoảng tài chính, đến 30/06/2017, Công ty SOPEWACO đã lỗ lũy kế là 423,56 tỷ đồng. Được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền, Công ty SMBĐ đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty SOPEWACO. Ngày 29/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tuyên bố phá sản đối với Công ty Sopewaco. Do đó, Công ty đã tiến hành thủ tục xử lý khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty Sopewaco và đã yêu cầu Công ty Luật TNHH Trung Nguyễn phân công luật sư tham gia tư vấn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty trong giai đoạn thi hành quyết định tuyên bố phá sản Sopewaco.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ % so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	764.318.539.821	768.774.492.413	100,58%
Doanh thu thuần	156.138.893.444	167.791.139.133	107,46%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.693.241.244	2.068.005.495	122,13%
Lợi nhuận khác	50.753.017	(170.368.758)	-
Lợi nhuận trước thuế	1.743.994.261	1.897.636.737	108,81%
Lợi nhuận sau thuế	856.802.341	1.010.444.817	117,93%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15,42	20,21	131,06%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	34,33	22,34	
+ Hệ số thanh toán nhanh	34,32	22,25	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,28	0,28	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,38	0,39	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	28,01	163,81	
+ Vòng quay tổng tài sản	0,20	0,22	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,005	0,006	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,002	0,002	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,0011	0,0013	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động			

kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,011	0,12	
-----------------------------	-------	------	--

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

+ Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành: 50.000.000 CP

+ Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 31/12/2022):

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I.	TRONG NƯỚC:		
1	Tổng Công ty PTSC	25.500.000	51,00
2	Công ty TNHH SXTM Việt Anh	6.508.100	13,016
3	Công ty Cổ phần và Dịch vụ tư vấn tương lai	3.306.000	6,612
4	Ngân hàng GP Bank	1.700.000	3,40
5	Cổ đông khác	12.980.440	25,961
II.	NGOÀI NƯỚC:		
1	Tanioka Hiroyasu	2.300	0,005
2	Huỳnh Văn Thi	930	0,0017
3	JOHN DOLAN	930	0,0017
4	Kang Seuk Jeung	1.300	0,0026
	TỔNG CỘNG	50.000.000	100,00

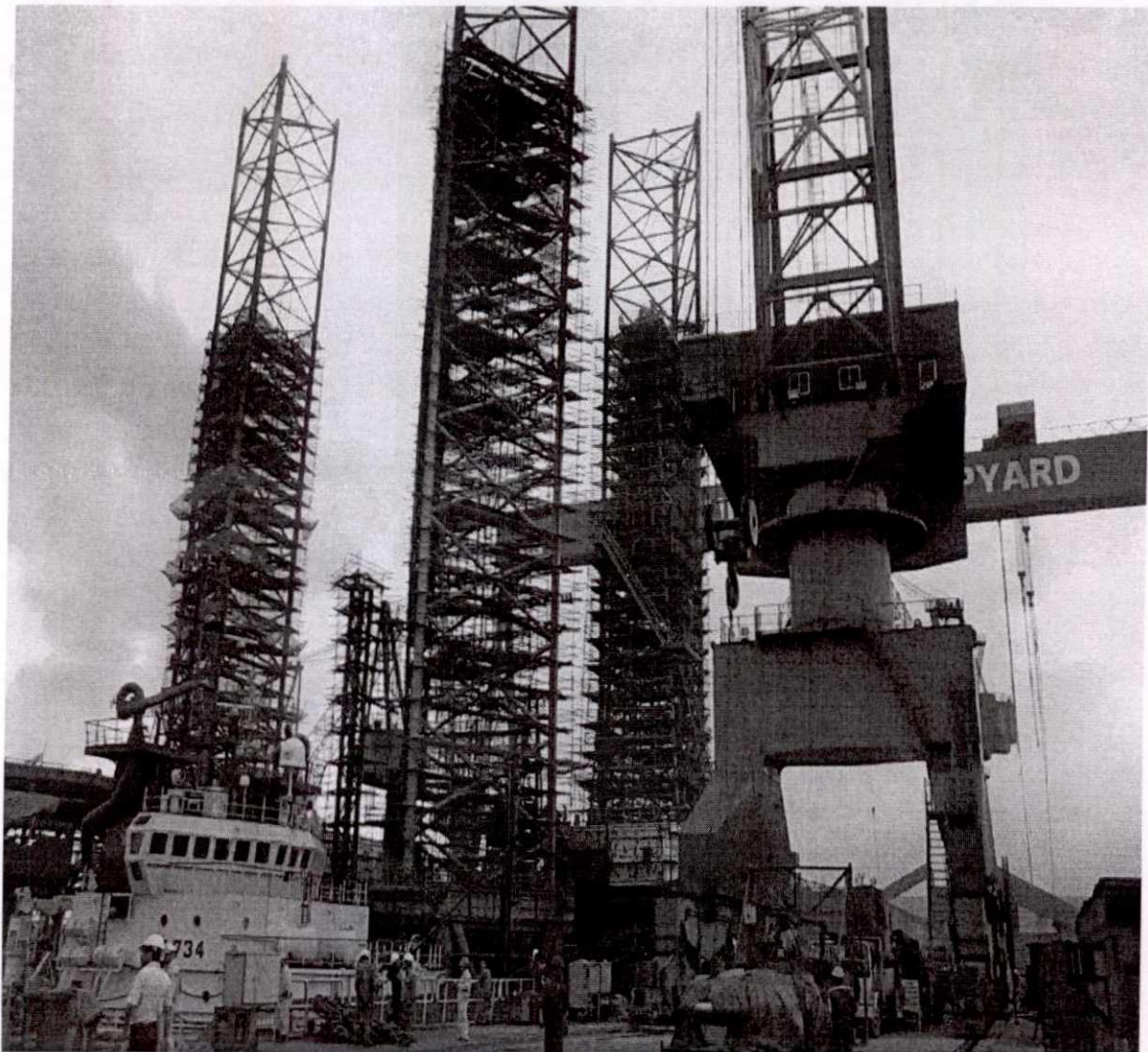
+ Danh sách cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty PTSC	25.500.000	51,000
2	Công ty TNHH SXTM Việt Anh	6.508.100	13,016
3	Công ty Cổ phần và Dịch vụ tư vấn tương lai	3.306.000	6,612

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Công ty áp dụng Hệ thống quản lý HSEQ (Chất lượng - An toàn - Sức khỏe – Môi trường) giúp định hướng việc nâng cao hiệu suất an toàn, hiệu quả lao động, tuân thủ luật pháp cho các hoạt động của Công ty. Cụ thể trong lĩnh vực quản lý dự án và thi công công trình xây dựng phục vụ ngành dầu khí phù hợp với các tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ được quan tâm kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ. Trong năm 2022, Công ty không để xảy ra trường hợp nào mất an toàn. Công ty đã hoàn thành cập nhật chuyển đổi giấy chứng nhận hệ thống ISO 9001:2008 và ISO 14001:2010 sang tiêu chuẩn ISO 9001:2015, tiêu chuẩn ISO 14001:2015. Công ty SMBĐ đã xây dựng tích hợp các tiêu chuẩn trên và phù hợp với các quy trình, quy định của Tổng Công ty PTSC.





(Công nhân SMBĐ thi công chế tạo và lắp đặt các công trình cơ khí dầu khí đảm bảo an toàn)

bsi.



By Royal Charter

Certificate of Registration

QUALITY MANAGEMENT SYSTEM - ISO 9001:2008

This is to certify that:

SAO MAI - BEN DINH PETROLEUM INVESMENT
JOINT STOCK COMPANY
9-11 Hoang Dieu Street,
Ward 1,
Vung Tau City,
Vietnam

Holds Certificate Number:

FS 616818

and operates a Quality Management System which complies with the requirements of ISO 9001:2008 for the following scope:

Project management and construction of oil and gas works

For and on behalf of BSI:

Gary Fenton, Global Assurance Director

Originally registered: 01/09/2011

Latest Issue: 09/08/2014

Expiry Date: 30/08/2017



Page: 1 of 1

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract. An electronic certificate can be authenticated [online](#). Printed copies can be validated at www.bsi-global.com/ClientDirectory or telephone +84 (8) 39320 778. Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2008 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
A Member of the BSI Group of Companies.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Tổng quan về hoạt động của Công ty:

Năm 2022, mặc dù tình hình dịch Covid-19 có xu hướng được kiểm soát nhưng vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, kết hợp với xung đột Nga – Ucraina và sự xuất hiện nhiều yếu tố mới đã làm tình hình kinh tế xã hội nước ta phải đối mặt với thêm rất nhiều khó khăn, thách thức như căng thẳng năng lượng, giá nhiên liệu và hàng hóa cơ bản tăng cao; chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu dùng tiếp tục bị đứt gãy; chính sách tài khóa, tiền tệ được nhiều nền kinh tế điều chỉnh theo hướng thắt chặt để kiềm chế lạm phát đã tác động tới khả năng phục hồi và tăng trưởng kinh tế, một số nền kinh tế có dấu hiệu suy thoái... Ngoài ra, những dự án trọng điểm về tìm kiếm, thăm dò, khai thác vẫn gặp nhiều khó khăn do sản lượng khai thác tự nhiên trong nước liên tục sụt giảm. Tất cả những yếu tố này đang dẫn đến sự cạnh tranh tăng mạnh trên thị trường dịch vụ cơ khí, cung ứng vật tư thiết bị và tất cả các dịch vụ cung ứng khác, đặt ra khó khăn rất lớn cho việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch SXKD của Công ty.

1.2. Những tiên bộ Công ty đã đạt được :

Trước tình hình khó khăn hiện tại, được sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Tổng Công ty và sự hợp tác hỗ trợ của các đơn vị trong ngành, đối tác, cùng sự nỗ lực, quyết tâm cao của Ban lãnh đạo, các tổ chức đoàn thể và tập thể NLD, Công ty đã duy trì ổn định nguồn công việc, hoàn thành tốt các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch SXKD đề ra trong năm 2022.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản :

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
A	Tài sản ngắn hạn	493.166.182.063	483.627.909.112	
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	33.052.713.569	55.671.241.403	
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	417.000.000.000	407.000.000.000	
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	36.346.827.850	15.089.425.774	
IV	Hàng tồn kho	1.953.763.869	94.903.541	
V	Tài sản ngắn hạn khác	4.812.876.775	5.772.338.394	
B	Tài sản dài hạn	275.608.310.350	280.690.630.709	
I	Các khoản phải thu dài hạn	3.000.000	3.000.000	

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
II	Tài sản cố định	66.365.744.927	70.181.960.357	
III	Bất động sản đầu tư	169.130.232.771	173.865.504.627	
IV	Tài sản dở dang dài hạn	39.159.109.988	35.101.032.941	
V	Tài sản dài hạn khác	950.222.664	1.539.132.784	
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	768.774.492.413	764.318.539.821	

2.2 Tình hình nợ phải trả:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
I	Nợ ngắn hạn	22.077.038.088	14.085.866.343	
II	Nợ dài hạn	192.003.717.119	196.463.700.855	
	Nợ phải trả	214.080.755.207	210.549.567.198	

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Nâng cao công tác quản lý hành chính, quản lý dự án, cải tiến hệ thống để nâng cao năng suất của Công ty, tái cơ cấu bộ máy theo hướng tinh giản, gọn nhẹ nhằm sử dụng tối ưu hóa mọi nguồn lực để giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Kiên toàn chức năng nhiệm vụ các phòng ban phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, thực hiện văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, văn minh để người lao động có động lực phát huy tối đa năng lực làm việc.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Giải pháp về quản lý:

- ✓ Nâng cao công tác quản lý hành chính, quản lý dự án, cải tiến hệ thống để nâng cao năng suất của Công ty, tái cơ cấu bộ máy theo hướng tinh giản, gọn nhẹ nhằm sử dụng tối ưu hóa mọi nguồn lực để giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- ✓ Kiên toàn chức năng nhiệm vụ các phòng ban phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, thực hiện văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, văn minh để người lao động có động lực phát huy tối đa năng lực làm việc.

- Giải pháp về thị trường:

- ✓ Tập trung phát triển năng lực, là đơn vị con của Tổng Công ty DVKT, tận dụng các thế mạnh như thương hiệu, nguồn lực, hệ thống quản lý, kinh nghiệm... để đảm nhận những công việc phức tạp và giá trị lớn.
- ✓ Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Tổng Công ty, các đơn vị trong ngành và đặc biệt các đơn vị trong cùng Tổng Công ty để tìm kiếm nguồn việc mới, kịp thời cung cấp và đáp ứng nhu cầu dịch vụ.
- ✓ Thúc đẩy các giải pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả trong sản xuất thi công dự án để từng bước mở rộng phát triển thị trường, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ cốt lõi có lợi thế cạnh tranh riêng của công ty cho các khách hàng ngoài ngành.
- ✓ Đẩy mạnh tìm kiếm, hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước có năng lực phù hợp để cùng triển khai đầu tư xây dựng dự án Căn cứ DVHH Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- **Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:**
 - ✓ Tổ chức sắp xếp, phân công lao động khoa học, hợp lý, tạo sự chuyên môn hóa sâu trong lao động.
 - ✓ Hoàn thiện các cơ chế, chính sách riêng nhằm thu hút, đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao, kỷ luật nghiêm minh, gắn kết đãi ngộ với đóng góp, phát huy tính tự giác trong lao động.
- **Giải pháp về đầu tư:**
 - ✓ Tiếp tục rà soát cơ sở hạ tầng, nguồn lực hiện có của Công ty và các đơn vị trong cùng Tổng Công ty để xem xét sử dụng nguồn lực hiệu quả và tính toán đầu tư xây dựng cầu cảng đáp ứng nhu cầu thị trường cung ứng dịch vụ kho bãi hiện có của Công ty.
 - ✓ Tăng cường kiểm tra giám sát, đẩy mạnh tiến độ và quản lý đầu tư chặt chẽ theo kế hoạch.
 - ✓ Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; thủ tục xin ưu đãi đầu tư dự án cần tiếp tục tích cực liên hệ với cơ quan ban ngành chức năng, trên cơ sở thực hiện đúng các quy định pháp luật và quy chế, quy định của Công ty.
- **Giải pháp về tài chính:**
 - ✓ Sử dụng các công cụ quản trị rủi ro trong quản lý nguồn vốn và tài sản.
 - ✓ Tăng cường công tác quản trị, quản lý, hạch toán kinh tế và sử dụng đồng tiền, công tác thu hồi công nợ,... đảm bảo tính tự chủ và an toàn về tài chính.
 - ✓ Quản lý chặt chẽ nguồn tiền gửi, theo dõi sát sao diễn biến thị trường tài chính trong nước cũng như quốc tế để nắm bắt tình hình, có những hành động kịp thời đảm bảo tài chính cho Công ty.
- **Giải pháp về an toàn, môi trường và phát triển bền vững:**
 - ✓ Không ngừng củng cố và hoàn thiện các hệ thống quản lý và kiểm soát chất lượng, an toàn, sức khỏe, môi trường, đảm bảo duy trì ổn định và ngày càng nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của Công ty.
 - ✓ Liên tục tuyên truyền, quản lý hệ thống đến từng CBCNV để nâng cao ý thức an toàn trong lao động, bảo vệ môi trường, tiết kiệm chống lãng phí, hăng say trong công việc nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.
 - ✓ Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể quan tâm, chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động.

5. Giải trình của Ban giám đốc về ý kiến của kiểm toán: Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Không ngừng củng cố và hoàn thiện các hệ thống quản lý và kiểm soát chất lượng, an toàn, sức khỏe, môi trường, đảm bảo duy trì ổn định và ngày càng nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của Công ty.

Liên tục tuyên truyền, quản lý hệ thống đến từng CBCNV để nâng cao ý thức an toàn trong lao động, bảo vệ môi trường, tiết kiệm chống lãng phí, hăng say trong công việc nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể quan tâm, chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty và Ban giám đốc:

Năm qua, mặc dù đứng trước những khó khăn, thách thức nhưng Công ty đã đạt được một số kết quả khả quan nhưng còn chưa thực sự tương xứng với nguồn lực cũng như kỳ vọng và mong đợi của ĐHĐCĐ và Tổng Công ty. HĐQT đánh giá năm 2022 Công ty và Ban Giám đốc cũng đã bám sát tình hình thực tế, tích cực, nỗ lực, chủ động trong công tác, quyết liệt thực hiện các giải pháp, định hướng tốt hoạt động để phấn đấu hoàn thành cao nhất các nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ giao, cụ thể:

- Chủ động, linh hoạt trong điều hành hoạt động SXKD. Tích cực, quyết liệt thực hiện có hiệu quả các phương án, giải pháp đề ra để hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch đã được giao.
- Các nguồn lực chính của Công ty như nguồn vốn và tình hình tài chính của Công ty được duy trì ổn định, an toàn, hiệu quả. Đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, luôn sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ của Công ty.
- Thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các biện pháp tiết kiệm, tiết giảm tối đa chi phí của Công ty như: kiện toàn bộ máy tổ chức, cắt giảm lao động không cần thiết, giảm thu nhập; rà soát, quản lý chặt chẽ chi phí...
- Tích cực trong công tác marketing, mở rộng thị trường và hoạt động kinh doanh, chủ động tìm kiếm khách hàng, nguồn việc mới trong và ngoài ngành cho Công ty.
- Đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, đổi mới tác phong doanh nghiệp nâng cao năng lực và hiệu quả của bộ máy.
- Nghiên cứu, tiếp cận và phát triển các hướng đi mới cho Công ty, đã và đang mang lại hiệu quả.
- Chế độ đãi ngộ và bảo vệ sức khỏe cho người lao động được thực hiện tốt, đảm bảo việc làm, đời sống đầy đủ, chu đáo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Công ty và Ban Giám đốc trong thời gian tới cần lưu ý và khắc phục các vấn đề sau:

- Tiếp tục theo dõi, bám sát tình hình kinh - tế xã hội trong nước và trên thế giới nói chung, ngành dầu khí nói riêng để chủ động có các giải pháp trong hoạt động SXKD phù hợp với tình hình thực tế.
- Tối ưu hóa trong hoạt động quản lý, tổ chức, giám sát thi công và giá thành để nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh tăng doanh thu, lợi nhuận cho công ty.



- Tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng để sớm hoàn thành các thủ tục liên quan đến đất đai, điều chỉnh dự án, ưu đãi đầu tư, bồi thường giải phóng mặt bằng... của dự án Căn cứ DVHH Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- Căn cứ nhu cầu và tình hình thực tế để nghiên cứu, xem xét phát triển, đầu tư cơ sở hạ tầng, bến bãi, cầu cảng, trang thiết bị phục vụ sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.
- Đa dạng hóa doanh thu của Công ty, tránh phụ thuộc nhiều vào các đơn vị trong ngành để hạn chế ảnh hưởng khi có biến động.
- Công tác quản lý tài chính và thu hồi công nợ cần tích cực, quyết liệt hơn, chủ động nắm bắt tình hình và đưa ra các biện pháp thu hồi để đạt hiệu quả cao.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Theo nhận định của HĐQT, năm 2023 mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức, song cũng có nhiều cơ hội đối với Công ty. Để thực hiện các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao, trên cơ sở tình hình thực tế và hoạt động của công ty hiện nay, HĐQT đề ra chương trình công tác trong năm 2023 như sau:

2.1. Về công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên và các cuộc họp định kỳ của HĐQT

- Chỉ đạo tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2023.
- Tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, đột xuất của HĐQT để thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tình hình của Công ty, kịp thời thúc đẩy, xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của Công ty.

2.2. Công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và đôn đốc tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 và các nội dung đã được ĐHCĐ thông qua.
- Chỉ đạo Ban điều hành nghiên cứu, xây dựng và đề xuất chiến lược phát triển, mở rộng lĩnh vực hoạt động SXKD phù hợp với tình hình thực tế, đẩy mạnh công tác Marketing, tăng cường sự kết nối nhằm củng cố, phát triển các mối quan hệ, hợp tác liên doanh, liên kết trong và ngoài ngành dầu khí... nhằm ký thêm được các hợp đồng, công việc, dự án mới. Bám sát các đơn vị, ban chức năng trong Tổng Công ty PTSC để được tham gia các dự án, công việc mới.
- Chỉ đạo đẩy mạnh áp dụng khoa học có hàm lượng kỹ thuật cao trong sản xuất, cải tiến quy trình lao động và các hệ thống quản lý Công ty để tăng cường khả năng cạnh tranh.
- Chỉ đạo công ty làm việc với các cơ quan chức năng để hoàn thành việc điều chỉnh dự án, tiếp tục được hưởng ưu đãi đầu tư giai đoạn khai thác cảng biển và hoàn thành các thủ tục về đất đai của dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty:
 - + Kiểm tra, giám sát việc huy động và sử dụng các nguồn lực của Công ty.
 - + Kiểm tra độ tin cậy của số liệu Báo cáo Tài chính, báo cáo khác và các thông tin kinh tế - tài chính theo quy định hiện hành.
 - + Kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư, quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư, các hoạt động đầu tư, xây dựng, đấu thầu.
 - + Kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, sử dụng, chế độ chính sách với người lao động, đồng thời rà soát kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động theo hướng tinh gọn, hiệu quả nhất.

- + Định kỳ lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá việc tuân thủ các quy định của Tổng Công ty, Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT, Ban Kiểm soát và các quy định của pháp luật.

2.3. Công tác nhân sự

- Kiện toàn nhân sự thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định hiện hành, đảm bảo bộ máy HĐQT, Ban Kiểm soát hoạt động tốt, giám sát, hỗ trợ và chỉ đạo Công ty vượt qua khó khăn hoàn thành thắng lợi các mục tiêu mà ĐHCĐ giao phó.
- Chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động của Công ty phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, tăng năng suất và hiệu quả lao động.
- Thực hiện đúng thẩm quyền của HĐQT trong công tác nhân sự.

2.4. Công tác sửa đổi, bổ sung Điều lệ và hoàn thiện các văn bản quản lý, quản trị Công ty

- Hoàn thành cập nhật sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành.
- Tiếp tục chỉ đạo rà soát các quy định, quy chế của Công ty để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành.

2.5. Công tác quản lý vốn và Người đại diện phần vốn

- Theo dõi, giám sát chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn nhân rồi của Công ty trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả để tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty. Tuân thủ đúng quy định về quản lý vốn và sử dụng vốn bằng tiền của Công ty và Tổng Công ty PTSC.
- Chỉ đạo, đôn đốc Ban Giám đốc tích cực, quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ đối với các khách hàng. Thực hiện nghiêm Quy chế quản lý công nợ của Công ty.
- Chỉ đạo Công ty theo dõi, bám sát tình hình xử lý nợ của Công ty TNHH đóng tàu và cơ khí Hàng hải để thu hồi tối đa khoản nợ của Công ty này.
- Công tác quản lý vốn tại Sopewaco: Đôn đốc, chỉ đạo Ban Giám đốc và Người đại diện phần vốn của Công ty tại công ty này theo dõi sát sao các thủ tục tiếp theo của tòa án (sau khi tuyên phá sản đối với Sopewaco) để kịp thời, chủ động đề xuất phương án xử lý, đảm bảo quyền và lợi ích tối đa cho Công ty.

2.6. Công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí

- Chỉ đạo xây dựng cụ thể kế hoạch tiết kiệm chống lãng phí năm 2023 của Công ty trong từng lĩnh vực.
- Chỉ đạo xây dựng các kịch bản, dự báo tình hình thị trường và phương án, biện pháp ứng phó cụ thể để chủ động trước tình hình khó khăn trong giai đoạn tới.

2.7. Thực hiện các công việc thường xuyên của HĐQT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 04 thành viên bao gồm 03 thành viên đại diện cho PTSC và 01 thành viên độc lập đại diện cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất Thương mại Việt Anh (Việt Anh), cụ thể:

- | | | |
|-----------------------|---------------------|----------------|
| 1. Ông Trần Hải Bình | - Chủ tịch HĐQT | (Chuyên trách) |
| 2. Ông Phùng Như Dũng | - TV HĐQT, Giám đốc | (Kiêm nhiệm) |
| 3. Ông Trần Xuân Tài | - TV HĐQT | (Kiêm nhiệm) |
| 4. Ông Đặng Thanh Hải | - TV HĐQT | (Kiêm nhiệm) |

① Ông TRẦN HẢI BÌNH CHỦ TỊCH



Sinh ngày: 20/10/1969 tại Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Số lượng CP sở hữu cá nhân: 92

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 09/1994 – 08/1997: XN Cảng PTSC Vũng Tàu.
- + 09/1997 – 12/1998: XN Dịch vụ Vật tư Thiết bị và Nhiên liệu PTSC Vũng Tàu (PTSC).
- + 01/1999 – 09/2000: Trưởng phòng Tài chính Kế toán – XN Dịch vụ Vật tư Thiết bị và Nhiên liệu (PTSC).
- + 10/2000 – 05/2001: Phó Giám đốc phụ trách XN Kinh doanh các SP Dầu khí Tây Ninh (PTSC).
- + 05/2001 – 03/2006: Kế toán Trưởng – Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC).
- + 03/2006 – 12/2006: Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty Chế biến và KD SP Dầu mỏ (PDC).
- + 01/2007 – 04/2007: Kiểm soát viên chính Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC).
- + 04/2007 – 07/2009: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- + 08/2009 – đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

② Ông PHÙNG NHƯ DŨNG
THÀNH VIÊN, GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Sinh ngày: 28/01/1969 tại Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị
Kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

(Xem thông tin phần Ban Giám đốc)

③ Ông TRẦN XUÂN TÀI
THÀNH VIÊN



Sinh ngày: 15/09/1981 tại Nghệ An
Trình độ chuyên môn: Đại học
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 10/2001 – 04/2004: Giảng viên, Trung tâm Tin học Ứng dụng – Mỏ địa chất.
- + 07/2004 – 05/2005: Thư ký kinh doanh, Công ty TNHH Thép Hanel Hà Nội.
- + 06/2005 – 09/2006: Trợ lý Giám đốc, Công ty CP Thiết bị điện Hồng Phúc.
- + 10/2006 – 07/2007: Chuyên viên, Ban Kế hoạch Đầu tư, PTSC.
- + 08/2007 – 03/2008: Tổ trưởng tổ Đầu tư Phương tiện Thiết bị, Ban Kế hoạch Đầu tư, PTSC.
- + 04/2008 – 08/2009: Phó phòng KHTS, Ban kế hoạch Đầu tư, PTSC.
- + 09/2009 – 06/2019: Trưởng phòng Tài Sản, Ban Kế hoạch Đầu tư, PTSC.
- + 07/2019 – Nay: Phó ban, Ban Kế hoạch Đầu tư, PTSC.

④ Ông Đặng Thanh Hải
THÀNH VIÊN



Sinh ngày: 24/12/1976 tại Tiền Giang
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính – Kế toán
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 2013 – 2015: Giám đốc chi nhánh Bến Thành - Ngân hàng TNHH INDOVINA
- + 2016 – Nay: Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT Công ty Cổ phần An Phú
- + 2021 – Nay: Phó Giám đốc Công ty TNHH sản xuất thương mại Việt Anh

1.2. Các tiêu ban thuộc hội đồng quản trị: Không

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Đôn đốc, chỉ đạo Ban điều hành tập trung, nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông giao. Tích cực trong công tác marketing, nghiên cứu mở rộng thị trường, lĩnh vực hoạt động kinh doanh để tìm kiếm thêm nguồn việc mới trong và ngoài ngành. Đẩy mạnh kêu gọi tìm kiếm khách hàng và đối tác để cho thuê từng phần hoặc toàn bộ khu bãi 7ha. Chuẩn bị mọi nguồn lực sẵn sàng đầu tư phần diện tích còn lại (28ha), chuẩn bị phương án đầu tư hạ tầng, trang thiết bị... ngay khi có khách hàng.
- Tích cực phối hợp, bám sát Tổng Công ty PTSC và các đơn vị bạn để được tham gia vào các gói thầu, dự án. Chủ động rà soát, tối ưu hóa giá thành và phương thức kỹ thuật sản xuất... để tăng sức cạnh tranh và cơ hội trúng thầu.
- Đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các đơn vị trong Tổng Công ty PTSC và các đơn vị khác như Vietsopetro, PVGas... để tìm kiếm thêm nguồn việc mới, duy trì nguồn lực, sẵn sàng tham gia vào các dự án.
- Thường xuyên cập nhật, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với hệ thống của Tổng công ty PTSC và nhu cầu thực tế. Khuyến khích các sáng kiến, cải tiến trong tất cả các lĩnh vực hoạt động.
- Đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả các hợp đồng ký với khách hàng. Tuyệt đối không để xảy ra mất an toàn lao động.

- Quyết liệt chỉ đạo trong công tác thu hồi công nợ, tuân thủ theo đúng quy định và quy chế của Công ty và Tổng Công ty PTSC. Duy trì nguồn vốn và các hệ số tài chính an toàn, ổn định, luôn sẵn sàng khi có công việc.
- Cập nhật và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy định quản lý nội bộ.
- Thực hiện tốt công tác chăm lo, bảo vệ sức khỏe và đời sống người lao động. Tích cực tham gia các phong trào, chương trình do Tập đoàn, Tổng công ty PTSC phát động.

1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT:

1.4.1. Ông Trần Hải Bình – Chủ tịch HĐQT:

- Chủ trì và tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất, có ý kiến đóng góp, đề xuất tích cực, hiệu quả tại các cuộc họp và các đợt lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản.
- Trực tiếp chỉ đạo công tác lập kế hoạch, soạn thảo tài liệu và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
- Thay mặt HĐQT trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện và hỗ trợ để Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022.
- Phối hợp cùng HĐQT kiểm tra, giám sát việc huy động, kinh doanh, sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp. Kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, sử dụng, chế độ chính sách với người lao động, rà soát kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình tiết giảm chống lãng phí năm 2021 đã được HĐQT thông qua.
- Thay mặt HĐQT chỉ đạo và thực hiện tốt công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư và trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo đúng quy định.
- Thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan.

1.4.2. Ông Phùng Như Dũng – Thành viên HĐQT, Giám đốc

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, cho ý kiến đầy đủ đối với các nội dung được HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản.
- Phối hợp cùng HĐQT chỉ đạo và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
- Tổ chức thực hiện và xử lý tốt các công việc liên quan đến công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2022 đã được ĐHĐCĐ giao.
- Tổ chức, triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và có hiệu quả các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị... của HĐQT, các quy định, quy chế của Công ty và pháp luật hiện hành.
- Chỉ đạo kiểm tra, rà soát hoàn thiện hệ thống văn bản của Công ty phù hợp với quy định hiện hành.
- Thực hiện tốt công tác lập báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của HĐQT.
- Chỉ đạo thực hiện và hoàn thành tốt chương trình tiết giảm chống lãng phí năm 2022 đã được HĐQT phê duyệt.
- Phối hợp cùng HĐQT thực hiện tốt công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư và trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo đúng quy định.
- Thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan.

1.4.3. Ông Đặng Thanh Hải – Thành viên HĐQT:

- Tham gia đầy đủ 4/4 cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý, cho ý kiến đầy đủ đối với các nội dung được HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản.
- Xem xét, biểu quyết thông qua kế hoạch, nội dung tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2022 của Công ty. Phối hợp cùng HĐQT tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2022.
- Phối hợp cùng HĐQT đôn đốc ban Ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022, hỗ trợ để Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022.
- Phối hợp theo dõi, đánh giá việc thực hiện tiết giảm chống lãng phí năm 2022 đã được HĐQT thông qua.
- Thực hiện tốt nhiệm vụ đã được HĐQT phân công.
- Thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản, quy định liên quan.

1.4.4. Ông Trần Xuân Tài – Thành viên HĐQT:

- Tham gia đầy đủ và có ý kiến đóng góp, đề xuất tích cực tại các cuộc họp của HĐQT và các đợt lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản.
- Tích cực phối hợp cùng HĐQT đôn đốc, hỗ trợ, đề xuất các phương án, giải pháp cho Ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022 đạt hiệu quả cao.
- Phối hợp cùng HĐQT kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư, quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư, các hoạt động đầu tư, xây dựng, đấu thầu của Công ty.
- Phối hợp cùng HĐQT theo dõi, giám sát công tác thực hiện tiết giảm chống lãng phí năm 2022 của Công ty.
- Thực hiện tốt phạm vi công việc đã được HĐQT phân công.
- Phối hợp cùng HĐQT thực hiện tốt công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư và trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo đúng quy định.
- Thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản, quy định liên quan.

2. Ban Kiểm Soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Ông NGUYỄN MINH TUẤN TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Sinh ngày: 16/06/1996 tại Quảng Bình
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- + 2017 – 2019: Trợ lý kiểm toán - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- + 2019 – 2021: Trưởng nhóm kiểm toán - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- + 2021 – Nay: Chuyên viên quản lý Vốn, Ban Tài chính Kế toán, Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt nam.

Ông NGÔ VĂN LẬP
TV. BAN KIỂM SOÁT



Sinh ngày: 15/01/1971 tại Nam Định
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 11/1994 – 08/1997: Chuyên viên Phòng Nhập – Công ty Thương Mại Dầu khí Petechim.
- + 09/1997 – 07/2007: Chuyên viên Ban Xuất dầu thô – Công ty Thương Mại Dầu khí Petechim (hiện nay là Tổng Công ty PV Oil).
- + 08/2007 – 12/2011: Phó phòng Tổ chức Hành chính, Thư ký HĐQT – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- + 01/2012 – 04/2022: Trưởng Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- + 05/2022 – Nay: Kiểm soát viên - Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

Bà TRƯƠNG THỊ VIÊN TRÚC
TV. BAN KIỂM SOÁT



Sinh ngày: 20/11/1985 tại Phú Yên
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, cử nhân luật.
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- + 07/2018 – Nay: Trưởng phòng Hành chính – Pháp lý, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Việt Anh.

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

2.2.1. Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

- Căn cứ các quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Quy định và Quy chế quản lý nội bộ, trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, luôn nâng cao vai trò trách nhiệm trong công việc.
- Ban kiểm soát có 3 thành viên được phân công nhiệm vụ cụ thể, hàng quý đều tổ chức họp đánh giá nhiệm vụ và kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty và từng thành viên. Các cuộc họp đều có sự thống nhất và có biên bản làm việc. Các thành viên đã hoàn thành đúng chức trách, nhiệm vụ và tuân thủ theo quy định.
- Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời hoạt động của Công ty, giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong quản lý, điều hành và kiểm soát nội bộ.
- Công tác quản lý, giám sát các dự án đầu tư đã và đang được kiểm tra, giám sát chặt chẽ đảm bảo chất lượng và tuân thủ theo các quy định của Nhà nước.
- Công tác quản lý và sử dụng vốn được giám sát chặt chẽ, khả năng thanh toán được đảm bảo. Nguồn vốn nhân rồi của Công ty được sử dụng hiệu quả, linh hoạt nhằm phát huy sức mạnh tài chính trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả và an toàn sử dụng nguồn vốn.

2.2.2. Số lượng, nội dung và kết quả của các cuộc họp Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi tham dự họp BKS	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
01	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Trưởng ban kiểm soát	15/04/2022	4	100%	
02	Ông Ngô Văn Lập	Kiểm soát viên	06/04/2012	4	100%	
03	Bà Trương Thị Viên Trúc	Kiểm soát viên	15/04/2022	4	100%	

Trong năm 2022 các Thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ theo từng lĩnh vực được phân công, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Minh Tuấn – Trưởng Ban kiểm soát:

- Đã tham gia 4 cuộc họp (tỷ lệ 100%) và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban kiểm soát phân công.
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tổ chức hoạt động chung của Ban kiểm soát; Theo dõi, đôn đốc, triển khai thực hiện các hoạt động kiểm

tra, giám sát của Ban kiểm soát; Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các Thành viên Ban kiểm soát;

- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm; Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác của Công ty; Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư theo quy định;
- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát quý, năm và tổ chức triển khai thực hiện; Thay mặt Ban kiểm soát ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền để thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát;
- Thông báo kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông; Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Ông Ngô Văn Lập – Kiểm soát viên:

- Đã tham gia 4 cuộc họp (tỷ lệ 100%) và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban kiểm soát phân công;
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tài chính kế toán, quản lý dòng tiền, tính hợp lý, hợp pháp trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm;
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính; Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và các nguồn lực khác của Công ty đúng mục đích, đúng quy định; Kiểm tra huy động vốn, vay nợ của Công ty theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;
- Cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban kiểm soát phân công.
- Kết hợp với các thành viên khác trong Ban kiểm soát trong việc kiểm tra thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Bà Trương Thị Viên Trúc – Kiểm soát viên:

- Đã tham gia 4 cuộc họp (tỷ lệ 100%) và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban kiểm soát phân công;
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tài chính kế toán, quản lý dòng tiền, tính hợp lý, hợp pháp trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm;
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác của Công ty; Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và các nguồn lực khác của Công ty đúng mục đích, đúng quy định; Kiểm tra huy động vốn, vay nợ của Công ty theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;

- Kết hợp với các thành viên khác trong Ban kiểm soát trong việc kiểm tra thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

3.1.1. Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thời gian làm việc	Tổng thu nhập (trước thuế)
1	Trần Hải Bình	Chủ tịch HĐQT	12 tháng	664.599.775 đồng
2	Phùng Như Dũng	Thành viên HĐQT Giám đốc	12 tháng	664.418.866 đồng
3	Đặng Thanh Hải	Thành viên HĐQT	12 tháng	36.000.000 đồng
4	Trần Xuân Tài	Thành viên HĐQT	09 tháng	27.000.000 đồng

3.1.2. Ban kiểm soát:

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Thời gian làm việc	Tổng thu nhập (trước thuế)	Ghi chú
01	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Trưởng ban	09 tháng	0 đồng	Theo quy định của PTSC
02	Ông Ngô Văn Lập	Thành viên	12 tháng	427.176.564 đồng	
03	Bà Trương Thị Viên Trúc	Thành viên	09 tháng	18.000.000 đồng	

3.1.3. Giám đốc: Xem tại mục 3.1.1

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: KHÔNG

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: KHÔNG

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và hoàn thành những mục tiêu đề ra. Năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ. Cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, mưa bão, hạn hán... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Tuy nhiên Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty luôn nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch năm 2022, nhờ đó mang lại lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ, chặt chẽ các quy định pháp luật về quản trị của công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn: Thực hiện lưu ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam; đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom (mã cổ phiếu: PSB); thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời; tổ chức đầy đủ các cuộc họp Đại hội cổ đông với tỷ lệ biểu quyết cao thông qua các nội dung.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình luôn ý thức được trách nhiệm với môi trường, Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ được quan tâm kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ. Trong năm 2022, Công ty không để xảy ra trường hợp nào mất an toàn. Công ty đã hoàn thành cập nhật chuyển đổi giấy chứng nhận hệ thống ISO 9001:2008 và ISO 14001:2010 sang tiêu chuẩn ISO 9001:2015, tiêu chuẩn ISO 14001:2015.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 :

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022: (đính kèm)

Vũng Tàu, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hải Bình	Chủ tịch	
Ông Phùng Như Dũng	Thành viên	
Ông Trần Xuân Tài	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2022)
Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Đạt	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2022)

Ban Giám đốc

Ông Phùng Như Dũng	Giám đốc	
Ông Đặng Đức Hồi	Phó Giám đốc	
Ông Trần Chí Dũng	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2022)
Ông Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc	

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phùng Như Dũng.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Phùng Như Dũng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 7 tháng 03 năm 2023

SỐ: 023 /VACO/BCKiT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông; Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 7 tháng 03 năm 2023, từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 32, phần Thuyết minh báo cáo tài chính: tại đó Công ty trình bày việc không ghi nhận khoản nợ tiềm tàng liên quan đến tiền thuê đất từ ngày 12 tháng 02 năm 2018 đến nay, vì Công ty cho rằng dự án Cảng Sao Mai Bến Đình mà Công ty đang triển khai sẽ được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt được hưởng ưu đãi theo hướng dẫn tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 (được thay thế bởi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021). Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4262-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2022	01/01/2022
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		493.166.182.063	483.627.909.112
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	33.052.713.569	55.671.241.403
1. Tiền	111		33.052.713.569	55.671.241.403
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		417.000.000.000	407.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	417.000.000.000	407.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.346.827.850	15.089.425.774
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	34.969.745.853	17.028.485.430
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.350.502.759	4.174.541.879
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	8.558.497.968	7.418.317.195
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(13.531.918.730)	(13.531.918.730)
IV. Hàng tồn kho	140		1.953.763.869	94.903.541
1. Hàng tồn kho	141	9	1.953.763.869	94.903.541
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.812.876.775	5.772.338.394
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	407.315.077	565.000.663
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.016.494.320	4.482.959.715
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	11	389.067.378	724.378.016
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		275.608.310.350	280.690.630.709
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		66.365.744.927	70.181.960.357
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	66.365.744.927	70.181.960.357
- Nguyên giá	222		114.484.243.226	114.650.029.922
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.118.498.299)	(44.468.069.565)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		53.372.880	53.372.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.372.880)	(53.372.880)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	169.130.232.771	173.865.504.627
- Nguyên giá	231		229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(60.150.553.683)	(55.415.281.827)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		39.159.109.988	35.101.032.941
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	39.159.109.988	35.101.032.941
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	-	10.530.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	-	(10.530.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		950.222.664	1.539.132.784
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	950.222.664	1.539.132.784
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		768.774.492.413	764.318.539.821

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		214.080.755.207	210.549.567.198
I. Nợ ngắn hạn	310		22.077.038.088	14.085.866.343
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	8.621.947.591	1.735.165.597
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	61.819.493	-
3. Phải trả người lao động	314		1.507.758.891	1.438.073.186
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	2.048.832.709	772.498.258
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	5.203.799.784	5.203.799.784
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	3.963.080.470	4.255.410.602
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		669.799.150	680.918.916
II. Nợ dài hạn	330		192.003.717.119	196.463.700.855
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	143.375.872
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	180.664.363.928	185.868.163.712
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	20	11.263.162.715	10.375.970.795
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		76.190.476	76.190.476
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		554.693.737.206	553.768.972.623
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	554.693.737.206	553.768.972.623
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.351.392.969	44.351.392.969
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.342.344.237	9.417.579.654
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.331.899.420	8.560.777.313
- LNST chưa phân phối trong năm	421b		1.010.444.817	856.802.341
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		768.774.492.413	764.318.539.821

Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu

Phạm Minh Vi
Kế toán trưởng



Phùng Như Dũng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 7 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	167.791.139.133	156.138.893.444
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		167.791.139.133	156.138.893.444
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	162.099.124.897	150.258.142.208
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.692.014.236	5.880.751.236
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	22.310.630.353	21.013.161.190
6. Chi phí tài chính	22		320.293.788	142.056.686
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.178.082	-
7. Chi phí bán hàng	25	28	618.615.168	1.143.775.491
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	24.995.730.138	23.914.839.005
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.068.005.495	1.693.241.244
10. Thu nhập khác	31		109.766.218	50.753.018
11. Chi phí khác	32		280.134.976	1
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(170.368.758)	50.753.017
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.897.636.737	1.743.994.261
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	20	887.191.920	887.191.920
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.010.444.817	856.802.341
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	20,21	15,42

Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu

Phạm Minh Vi
Kế toán trưởng



Phùng Như Dũng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 7 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.897.636.737	1.743.994.261
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	8.551.487.286	9.708.950.692
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	304.519.912	(31.831.185)
- (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(21.602.437.747)	(20.986.913.718)
- Chi phí lãi vay	06	5.178.082	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(10.843.615.730)	(9.565.799.950)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(21.443.903.195)	8.562.820.292
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.858.860.328)	10.959.138.996
- (Tăng)/Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.990.426.493	(18.679.192.844)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	746.595.706	306.473.685
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.178.082)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(96.800.000)	(144.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(30.511.335.136)	(8.560.559.821)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.058.077.047)	(1.937.318.560)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	13.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(505.000.000.000)	(405.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	495.000.000.000	395.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.612.256.928	22.984.142.858
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.554.179.881	11.060.006.116
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	(10.000.000.000)	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	10.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(21.957.155.255)	2.499.446.295
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	55.671.241.403	53.140.405.601
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(661.372.579)	31.389.507
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	33.052.713.569	55.671.241.403

Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu

Phạm Minh Vi
Kế toán trưởng

Phùng Như Dũng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 7 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 49121000147 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2012 và thay đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 10 năm 2016 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 28 tháng 11 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND, tương đương 50.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Upcom với mã chứng khoán là PSB.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 72 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 80 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai - Bến Đình; Khai thác cụm cảng container;
- Sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; Dịch vụ đại lý tàu biển; Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí;
- Xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; Kho chứa các sản phẩm dầu khí; Các công trình đường ống dẫn dầu, khí, nhiên liệu;
- Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải;
- Kinh doanh phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông; trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);
- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội địa; Vận tải hàng bằng đường bộ; Vận tải dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu;
- Cho thuê các phương tiện vận tải; Cho thuê kho bãi;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh là các thông tin được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được công bố.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.*

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-07
Máy móc, thiết bị	07-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	05-40

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và tài sản khác; được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí bảo trì, cải tạo nhà máy. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông. Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan:

Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

<u>Tên đầy đủ</u>	<u>Tên viết tắt</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PTSC	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	PTSC - M&C	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần khách sạn Dầu khí PTSC	PTSC - Hotel	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	PTSC - SB	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Xây dựng PTSC	PTSC - Ban xây dựng	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	PTSC - Đà Nẵng	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PV Shipyard	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	PTSC - POS	Thành viên PTSC
		Thành viên PTSC

Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN")

<u>Tên đầy đủ</u>	<u>Tên viết tắt</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	PVN	Công ty mẹ của PTSC
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	PVC - MS	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	DQS	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	PVC - PT	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	BSR	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	PV Gas South	Thành viên PVN
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - XN Phân phối khí thấp áp Miền Bắc	PV Gas D - NT	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	PVFCCO - ĐNB	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	PVI Vũng Tàu	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	PVI Phía Nam	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	PSI	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Vũng Tàu	PV Oil Vũng Tàu	Thành viên PVN

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	128.156.334	100.255.523
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.924.557.235	55.570.985.880
Cộng	<u>33.052.713.569</u>	<u>55.671.241.403</u>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Tiền gửi có kỳ hạn

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>417.000.000.000</u>	<u>417.000.000.000</u>	<u>407.000.000.000</u>	<u>407.000.000.000</u>
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - CN.Bà Rịa		-	-	-
Ngân hàng Quốc Dân (NCB) - CNVT	15.000.000.000	15.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á - CN.Vũng Tàu	110.000.000.000	110.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN.Bà Rịa Vũng Tàu	50.000.000.000	50.000.000.000	75.000.000.000	75.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Bà Rịa - Vũng	-	-	165.000.000.000	165.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - CN.Bà Rịa	95.000.000.000	95.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Bà Rịa	95.000.000.000	95.000.000.000	-	-
Các ngân hàng khác	52.000.000.000	52.000.000.000	32.000.000.000	32.000.000.000

Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm với lãi suất được hưởng từ 4,9% đến 9,3% năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>31/12/2022</u>			<u>01/01/2022</u>		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	10.530.000.000	10.530.000.000	-	-
Cộng	-	-	<u>10.530.000.000</u>	<u>10.530.000.000</u>	-	-

Chi tiết tình hình tăng giảm khoản dự phòng tổn thất đầu tư như sau:

	<u>Năm 2022</u>
	VND
Tại ngày 01/01/2022	10.530.000.000
Xử lý dự phòng tổn thất đầu tư trong năm	(10.530.000.000)
Tại ngày 31/12/2022	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

Khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco), với số tiền đầu tư tương đương 13,16% vốn điều lệ của Sopewaco. Sopewaco phát sinh khoản lỗ vượt quá vốn chủ sở hữu từ các năm trước; do đó, Công ty quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này.

Tại ngày 29 tháng 11 năm 2021, Sopewaco đã bị Tòa án Nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định số 01/2021/QĐ-TBPS tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản. Do đó, Công ty đánh giá khoản đầu tư này không thể thu hồi được và tiến hành xử lý tổn thất khoản đầu tư theo quy định hiện hành, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 vào ngày 15 tháng 4 năm 2022.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	25.329.222.530	15.957.263.491
Công ty TNHH Đóng tàu và cơ khí Hàng Hải Sài Gòn	13.531.918.730	13.531.918.730
Hyundai Heavy Industries Co., Ltd	8.636.668.663	1.745.733.352
Công ty TNHH Chi tiết IKC Vũng Tàu	2.240.776.440	-
Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro	919.858.697	-
Khách hàng khác	-	679.611.409
b) Phải thu khách hàng các bên liên quan	9.640.523.323	1.071.221.939
Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC):		
- Công ty CP Chế tạo giàn khoan Dầu khí	1.567.671.872	179.162.004
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí Hàng Hải (PTSC-MC)	5.463.680.261	-
- Công ty CP DV Lắp Đặt, Vận Hành & Bảo Dưỡng CT DK Biển PTSC (POS)	72.548.665	411.796.880
- Tổng Công ty CP DV Kỹ thuật Dầu khí VN (PTSC)	419.703.247	121.411.974
Các thành viên thuộc Tập đoàn dầu khí ("PVN"):		
- Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	2.116.919.278	358.851.081
Cộng	<u>34.969.745.853</u>	<u>17.028.485.430</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	8.558.497.968	7.418.317.195
Ký quỹ	70.000.000	68.000.000
Lãi dự thu (i)	5.843.613.704	4.833.794.523
Tạm ứng	172.726.889	147.158.059
Doanh thu trích trước từ cung cấp dịch vụ:	2.362.961.383	2.352.225.616
i) Bên liên quan - Thành viên PTSC:		
- Tổng Công ty CP DV Kỹ thuật Dầu khí VN (PTSC)	-	132.817.496
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí Hàng Hải (PTSC-MC)	1.433.602.739	-
- Công ty CP Chế tạo giàn khoan Dầu khí	533.925.228	-
ii) Bên liên quan - Các thành viên thuộc Tập đoàn dầu khí ("PVN"):		
- Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	395.433.416	-
iii) Đối tượng khác:		
- Hyundai Heavy Industries Co., Ltd	-	2.219.408.120
Khác	109.195.992	17.138.997
b) Phải thu dài hạn khác	3.000.000	3.000.000
Ký quỹ	3.000.000	3.000.000
Cộng	8.561.497.968	7.421.317.195

8. NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đóng tàu và cơ khí Hàng Hải Sài Gòn	13.531.918.730	-	13.531.918.730	-
Cộng	13.531.918.730	-	13.531.918.730	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	781.886.000	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.085.174.493	-	-	-
Hàng hóa	86.703.376	-	94.903.541	-
Cộng	1.953.763.869	-	94.903.541	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	407.315.077	565.000.663
Phí bảo hiểm, kiểm định	233.919.625	238.295.056
Chi phí khác	173.395.452	326.705.607
b) Dài hạn	950.222.664	1.539.132.784
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	211.558.902	202.968.908
Chi phí sửa chữa	418.782.970	502.029.572
Khác	319.880.792	834.134.304
Cộng	1.357.537.741	2.104.133.447

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu	724.378.016	909.840.242	574.529.604	389.067.378
Thuế thu nhập doanh nghiệp	219.756.995	-	-	219.756.995
Thuế thu nhập cá nhân	439.792.429	851.111.724	574.529.604	163.210.309
Các loại thuế khác	64.828.592	58.728.518	-	6.100.074
b) Phải nộp	-	123.324.585	61.505.092	61.819.493
Thuế xuất, nhập khẩu	-	8.662.313	8.662.313	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	9.806.577	9.806.577	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	104.855.695	43.036.202	61.819.493

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quân lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2022	7.728.065.904	1.267.763.000	3.450.460.524	359.317.605	101.844.422.889	114.650.029.922
- Giảm do thanh lý	-	-	-	(165.786.696)	-	(165.786.696)
Tại ngày 31/12/2022	7.728.065.904	1.267.763.000	3.450.460.524	193.530.909	101.844.422.889	114.484.243.226
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2022	6.415.033.493	640.283.289	3.001.017.226	359.317.605	34.052.417.952	44.468.069.565
- Khấu hao trong năm	464.241.024	103.647.612	116.570.316	-	3.131.756.478	3.816.215.430
- Giảm do thanh lý	-	-	-	(165.786.696)	-	(165.786.696)
Tại ngày 31/12/2022	6.879.274.517	743.930.901	3.117.587.542	193.530.909	37.184.174.430	48.118.498.299
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	1.313.032.411	627.479.711	449.443.298	-	67.792.004.937	70.181.960.357
Tại ngày 31/12/2022	848.791.387	523.832.099	332.872.982	-	64.660.248.459	66.365.744.927

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 29.368.424.136 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 27.032.428.828 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2022	<u>53.372.880</u>	<u>53.372.880</u>
Tại ngày 31/12/2022	<u>53.372.880</u>	<u>53.372.880</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2022	<u>53.372.880</u>	<u>53.372.880</u>
Tại ngày 31/12/2022	<u>53.372.880</u>	<u>53.372.880</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2022	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31/12/2022	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 53.372.880 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 53.372.880 VND).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<u>Cơ sở hạ tầng</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2022	<u>229.280.786.454</u>	<u>229.280.786.454</u>
Tại ngày 31/12/2022	<u>229.280.786.454</u>	<u>229.280.786.454</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2022	<u>55.415.281.827</u>	<u>55.415.281.827</u>
- Khấu hao trong kỳ	4.735.271.856	4.735.271.856
Tại ngày 31/12/2022	<u>60.150.553.683</u>	<u>60.150.553.683</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2022	<u>173.865.504.627</u>	<u>173.865.504.627</u>
Tại ngày 31/12/2022	<u>169.130.232.771</u>	<u>169.130.232.771</u>

Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Công ty như sau:

	<u>Nguyên giá</u>
	VND
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 héc ta (i)	131.881.668.267
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 héc ta (ii)	97.399.118.187
	<u>229.280.786.454</u>

(i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 39,8 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 23 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 49 năm.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này vì Công ty nắm giữ bất động sản đầu tư dài hạn nhằm mục đích cho thuê để thu lợi ích và không có kế hoạch chuyển nhượng trong tương lai gần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Căn cứ Dịch vụ hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (i)	37.143.149.339	33.085.072.292
Khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình (ii)	1.934.142.467	1.934.142.467
Dự án khác	81.818.182	81.818.182
Cộng	<u>39.159.109.988</u>	<u>35.101.032.941</u>

(i) Các chi phí ban đầu (bồi thường, rà phá bom mìn, vật liệu nổ, đền bù giải phóng mặt bằng, ...) triển khai cho việc thực hiện đầu tư dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình theo quyết định của Ủy Ban Nhân dân (UBND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đang tiếp tục thực hiện các thủ tục đầu tư, thanh toán tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án theo các hướng dẫn của UBND tỉnh (*thông tin bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xem tại thuyết minh số 32*).

(ii) Các chi phí đầu tư dở dang riêng cho dự án thành phần là khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình trong tổng diện tích đất đã được bàn giao đợt 1 cho Công ty.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	8.488.849.483	8.488.849.483	1.446.644.505	1.446.644.505
Công ty TNHH Hải Lưu	7.631.692.873	7.631.692.873	563.755.504	563.755.504
Nhà cung cấp khác	857.156.610	857.156.610	882.889.001	882.889.001
<i>b) Các khoản phải trả người bán là bên liên quan</i>	133.098.108	133.098.108	288.521.092	288.521.092
Các thành viên thuộc Tập đoàn dầu khí ("PVN"):				
Công ty TNHH khách Sạn Dầu Khí	111.498.000	111.498.000	270.211.702	270.211.702
Công ty Cảng Dịch Vụ Dầu Khí	21.600.108	21.600.108	18.309.390	18.309.390
Cộng	<u>8.621.947.591</u>	<u>8.621.947.591</u>	<u>1.735.165.597</u>	<u>1.735.165.597</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	2.048.832.709	772.498.258
Trích trước chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	1.783.519.109	590.828.312
Chi phí khác	265.313.600	181.669.946
<i>b) Dài hạn</i>	-	143.375.872
Trích trước chi phí ký quỹ bảo lãnh bảo hành công trình	-	143.375.872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền Công ty được trả trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, thành phố Vũng Tàu cho tổng thời gian thuê 48 năm, 49 năm tương ứng phần diện tích cho thuê. Doanh thu chưa thực hiện này được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh hàng năm trong thời gian 48 và 49 năm kể từ thời điểm cho thuê.

Chi tiết số dư doanh thu chưa thực hiện của Công ty như sau:

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	5.203.799.784	5.203.799.784
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	3.017.358.087	3.017.358.087
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	2.186.441.697	2.186.441.697
b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	180.664.363.928	185.868.163.712
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	102.590.174.976	105.607.533.063
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	78.074.188.952	80.260.630.649

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	3.952.080.470	3.955.452.505
Khác	11.000.000	299.958.097
Cộng	3.963.080.470	4.255.410.602

20. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	<u>Chênh lệch khấu hao</u>
	VND
Tại ngày 01/01/2021	9.488.778.875
Ghi nhận lợi nhuận/(lỗ) trong năm	887.191.920
Tại ngày 31/12/2021	10.375.970.795
Ghi nhận lợi nhuận/(lỗ) trong năm	887.191.920
Tại ngày 31/12/2022	11.263.162.715

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của bất động sản đầu tư do có sự khác biệt về thời gian tính khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính là 25 năm và thời gian tính khấu hao của Công ty áp dụng là 48 và 49 năm. Công ty hiện áp dụng thuế suất 20% là mức thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2021	500.000.000.000	44.351.392.969	8.810.733.283	553.162.126.252
Lãi trong năm	-	-	856.802.341	856.802.341
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(249.955.970)	(249.955.970)
Tại ngày 31/12/2021	500.000.000.000	44.351.392.969	9.417.579.654	553.768.972.623
Lãi trong năm	-	-	1.010.444.817	1.010.444.817
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(85.680.234)	(85.680.234)
Tại ngày 31/12/2022	500.000.000.000	44.351.392.969	10.342.344.237	554.693.737.206

Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

(*) Theo Nghị Quyết số 23/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty, các cổ đông đã phê duyệt phương án trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 với số tiền là 85.680.234 VND.

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	255.000.000.000	51%	255.000.000.000	51%
Phần vốn của các đối tượng khác	245.000.000.000	49%	245.000.000.000	49%
Cộng	500.000.000.000	100%	500.000.000.000	100%

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	31/12/2022	01/01/2022
USD	677.234,06	347.820,45

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí: Xây dựng công trình theo hợp đồng
- Bộ phận kinh doanh cụm cảng: Cho thuê cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư và các dịch vụ đi kèm.
- Bộ phận kinh doanh hàng hóa: Kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

a. Bảng cân đối kế toán:

Tại ngày 31/12/2022	Bộ phận kinh	Bộ phận xây	Bộ phận kinh	Tổng
	doanh cụm cảng	dựng các công	doanh hàng hóa	
	VND	trình phục vụ	VND	VND
		ngành dầu khí		VND
Tài sản bộ phận	280.048.716.455	12.606.053.379	16.136.244.729	308.791.014.563
Tài sản không phân bổ				459.983.477.850
Tổng tài sản				768.774.492.413
Nợ phải trả bộ phận	197.296.569.642	8.612.386.169	1.651.118.809	207.560.074.620
Nợ phải trả không phân bổ				6.520.680.587
Tổng nợ phải trả				214.080.755.207
Tại ngày 01/01/2022	Bộ phận kinh	Bộ phận xây	Bộ phận kinh	Tổng
	doanh cụm cảng	dựng các công	doanh hàng hóa	
	VND	trình phục vụ	VND	VND
		ngành dầu khí		VND

Tài sản bộ phận	280.229.809.621	4.487.043.512	7.932.853.213	292.649.706.346
Tài sản không phân bổ				471.668.833.475
Tổng tài sản				764.318.539.821
Nợ phải trả bộ phận	201.613.177.506	994.191.770	1.309.934.796	203.917.304.072
Nợ phải trả không phân bổ				6.632.263.126
Tổng nợ phải trả				210.549.567.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Năm 2022	Bộ phận kinh	Bộ phận xây	Bộ phận kinh	Tổng
	doanh cụm cảng	dựng các công	doanh hàng hóa	
	VND	trình phục vụ	VND	VND
		ngành dầu khí		VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17.187.989.455	29.704.758.400	120.898.391.278	167.791.139.133
Giá vốn	14.769.529.570	28.658.698.328	118.670.896.999	162.099.124.897
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.418.459.885	1.046.060.072	2.227.494.279	5.692.014.236
Chi phí không phân bổ				(25.614.345.306)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				-19.922.331.070
Doanh thu từ hoạt động tài chính				21.990.336.565
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				2.068.005.495
Lợi nhuận khác				(170.368.758)
Lợi nhuận trước thuế				1.897.636.737
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(887.191.920)
Lợi nhuận sau thuế				<u>1.010.444.817</u>
Thông tin khác				
Khấu hao				<u>8.551.487.286</u>

Năm 2021	Bộ phận kinh	Bộ phận xây	Bộ phận kinh	Tổng
	doanh cụm cảng	dựng các công	doanh hàng hóa	
	VND	trình phục vụ	VND	VND
		ngành dầu khí		VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	15.069.308.083	53.085.031.600	87.984.553.761	156.138.893.444
Giá vốn	12.657.351.117	50.199.811.067	87.400.980.024	150.258.142.208
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.411.956.966	2.885.220.533	583.573.737	5.880.751.236
Chi phí không phân bổ				(25.058.614.496)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				-19.177.863.260
Doanh thu từ hoạt động tài chính				20.871.104.504
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				1.693.241.244
Lợi nhuận khác				50.753.017
Lợi nhuận trước thuế				1.743.994.261
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(887.191.920)
Lợi nhuận sau thuế				<u>856.802.341</u>
Thông tin khác				
Khấu hao				<u>9.708.950.692</u>

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam nên không có bộ phận theo khu vực địa lý cần báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và mặt bãi	5.203.799.784	5.826.567.784
Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.035.504.812	64.943.514.703
Doanh thu bán hàng hóa	106.551.834.537	85.368.810.957
Cộng	167.791.139.133	156.138.893.444

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư và mặt bãi	4.735.271.856	5.061.977.296
Giá vốn cung cấp dịch vụ	51.424.272.973	59.987.696.878
Giá vốn bán hàng hóa	105.939.580.068	85.208.468.034
Cộng	162.099.124.897	150.258.142.208

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.866.726.091	8.182.763.069
Chi phí nhân công	40.222.626.784	35.671.820.964
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.551.487.286	9.708.950.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.193.085.134	20.887.737.374
Chi phí khác	4.846.185.225	4.715.772.791
Cộng	83.680.110.520	79.167.044.890

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	21.602.437.747	20.973.731.900
Lãi chênh lệch tỷ giá	708.192.606	39.429.290
Cộng	22.310.630.353	21.013.161.190

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí khấu hao TSCĐ	618.615.168	1.143.775.491
Cộng	618.615.168	1.143.775.491
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	13.733.890.395	14.135.870.548
Chi phí vật liệu quản lý	1.354.541.633	862.430.633
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.119.769.039	2.441.471.329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.269.267.497	2.379.569.536
Các khoản chi phí QLDN khác	4.518.261.574	4.095.496.959
Cộng	24.995.730.138	23.914.839.005

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.897.636.737	1.743.994.261
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(3.163.904.238)	(3.424.159.843)
Trừ thu nhập không tính thuế	(4.435.959.600)	(4.435.959.600)
- Chênh lệch khấu hao	(4.435.959.600)	(4.435.959.600)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ và điều chỉnh tăng	1.272.055.362	1.011.799.757
Thu nhập chịu thuế	(1.266.267.501)	(1.680.165.582)
Thu nhập tính thuế	(1.266.267.501)	(1.680.165.582)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thông thường với tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có khoản lỗ tính thuế là 3.303.159.059 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đạo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ (VND)	Kỳ chuyển lỗ	Số lỗ đã chuyển đến 31/12/2022	Số lỗ còn được chuyển	Tình hình quyết toán thuế
2019	356.725.976	2020 - 2024	-	356.725.976	Chưa quyết toán
2021	1.680.165.582	2022 - 2026	-	1.680.165.582	Chưa quyết toán
2022	1.266.267.501	2023 - 2027	-	1.266.267.501	Chưa quyết toán
				3.303.159.059	

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.010.444.817	856.802.341
Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(85.680.234)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.010.444.817	771.122.107
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20,21	15,42

(*) Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính ("Thông tư 200"), lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trên cổ phiếu không bao gồm số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi. Trong năm 2022, Ban giám đốc đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 85.680.234 VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 23/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 đã được trình bày lại để phù hợp với quy định của Thông tư 200 (lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 đã trình bày trên báo cáo năm trước là 17 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Trong vòng một năm	593.100.000	593.100.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	2.372.400.000	2.372.400.000
Trên 5 năm	17.793.000.000	18.386.100.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện: Tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê 5.000 m² tại bãi thi công của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, theo phụ lục hợp đồng thuê được ký với thời hạn được tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2057.

32. THÔNG TIN BỔ SUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

i. Thông tin về các khoản nợ tiềm tàng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đang trong quá trình tiếp tục xin điều chỉnh giấy phép đầu tư để dự án cảng Sao Mai Bến Đình (SM-BĐ) được công nhận là dự án cảng biển thuộc danh mục đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2015 (“Nghị định 118” - được thay thế bởi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021). Theo quy định tại Nghị định 46/2014/NĐ-CP ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2014 (“Nghị định 46”), các dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi được miễn tiền thuê đất trong 11 năm tiếp theo sau khi được miễn tiền thuê đất tối đa 3 năm trong giai đoạn xây dựng cơ bản (từ ngày 12 tháng 02 năm 2015 đến hết ngày 11 tháng 02 năm 2018).

Theo đó, Công ty không ghi nhận khoản tiền thuê đất theo các thông báo của Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 02 năm 2018 đến nay trên báo cáo tài chính các năm tương ứng. Trên cơ sở các văn bản chấp nhận chủ trương đầu tư của Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn bản hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; cũng như Văn bản hướng dẫn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về điều chỉnh quy mô Dự án theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước; Công ty đang triển khai thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định hiện hành (*mục (ii) dưới đây*).

Công ty đánh giá và xác định rằng dự án Cảng Sao Mai Bến Đình mà Công ty đang triển khai sẽ được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định tại Nghị định 118 (được thay thế bởi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021) nên sẽ được tiếp tục miễn tiền thuê đất theo Nghị định 46.

ii. Thông tin về điều chỉnh dự án đầu tư

Theo Nghị quyết số 74/NQ-SMBĐ-ĐHCD ngày 12 tháng 11 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận chủ trương điều chỉnh giảm quy mô dự án đầu tư: Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình với tổng diện tích sử dụng của dự án đầu tư sau điều chỉnh là 112,5 ha (diện tích dự án đầu tư trước điều chỉnh là 161,5 ha). Mục đích điều chỉnh giảm quy mô dự án để thực hiện Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2035, các quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty. Công ty đã thực hiện lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai - Bến Đình theo quy định của Luật đầu tư 2020 và đang tiếp tục liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được xem xét đẩy nhanh thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư để được hưởng ưu đãi đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày trong các thuyết minh số 6,7,16,18 và 21; trong năm, Công ty còn các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:


	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	1.685.565.376	1.218.321.065
PTSC - M&C	26.147.970.400	41.045.865.056
PV Shipard	10.303.408.987	8.021.569.749
PTSC - POS	385.400.510	7.434.905.276
Các thành viên thuộc PVN		
PVC - MS	6.523.602.493	5.162.020.091
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - Hotel	543.126.527	709.341.203
PTSC - M&C	38.000.000	41.566.674
PTSC - SB	138.787.150	331.946.500
PV Shipyard	1.445.280.830	5.488.618.432
Các thành viên thuộc PVN		
PVC - MS	27.051.000	87.355.828
PV Gas South	91.491.823.923	85.208.468.034
PVI Vũng Tàu	421.641.324	355.109.387

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I.	Hội đồng Quản trị		736.559.775	655.135.127
1	Trần Hải Bình	Chủ tịch	664.559.775	583.135.127
2	Nguyễn Việt Đạt	Thành viên	9.000.000	36.000.000
3	Đặng Thanh Hải	Thành viên	36.000.000	36.000.000
4	Trần Xuân Tài	Thành viên	27.000.000	-
II.	Ban Giám đốc		1.929.820.060	1.958.138.910
1	Phùng Như Dũng	Giám đốc	664.418.866	583.078.763
2	Đặng Đức Hồi	Phó Giám đốc	565.377.357	496.965.819
3	Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc	500.471.237	439.018.982
4	Trần Chí Dũng	Phó Giám đốc	199.552.600	439.075.346
II.	Ban kiểm soát		451.176.564	400.055.092
	Cộng		3.117.556.399	3.013.329.129

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 5.843.613.704 VND (năm 2021: 4.833.794.523 VND), thể hiện khoản thu nhập từ lãi tiền gửi chưa nhận được tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 nhưng đã bao gồm 4.833.794.523 VND là lãi tiền gửi dự thu năm trước nhận được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.


Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu


Phạm Minh Vi
Kế toán trưởng


Phùng Như Dũng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 7 tháng 03 năm 2023